

CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HƯNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
*của cơ sở “Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng”*

*Trần Đề, năm 2024*

**CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HÙNG**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
*của cơ sở "Công ty TNHH Ngọc Thuận Hùng"*

CHỦ CƠ SỞ 



*Nguyễn Tuấn Anh*

*Trần Đức, năm 2024*



## MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH .....	v
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1. Tên chủ cơ sở.....	1
1.2. Tên cơ sở.....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở .....	3
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: .....	3
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	7
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	8
1.4.1. Nguyên, vật liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở .....	8
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	17
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	17
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	17
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	18
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	18
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	18
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	19
3.1.3. Xử lý nước thải .....	19
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	24
3.2.1. Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, phương tiện giao thông .....	24
3.2.2. Mùi hôi từ quá trình nạo vét, thu gom, xử lý bùn đáy ao, từ khu vực bãi chứa rác thải sinh hoạt: .....	25
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	25
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	27
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	29
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	31



CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	32
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	32
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	33
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	35
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	35
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải .....	36
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	37
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	37
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	37
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	37
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	37
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	38
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	39
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	40



## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hóa 5 ngày
BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
CH <sub>4</sub>	Khí mêtan
CO	Cacbon monoxit
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
DO	Nồng độ oxy hòa tan
H <sub>2</sub> S	Hydro sunfua
NH <sub>3</sub>	Khí ammoniac
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
NO <sub>2</sub>	Nitơ dioxit
pH	Chỉ số đo hoạt động của ion hydro
Ppm	Đơn vị phần triệu
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
SO <sub>2</sub>	Lưu huỳnh dioxit
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TT	Thông tư
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân



## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí cơ sở .....	2
Bảng 1.2. Nguyên - nhiên - vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở.....	8
Bảng 1.3. Nhu cầu cấp nước cho cơ sở .....	11
Bảng 1.4. Các hạng mục công trình cơ sở.....	11
Bảng 1.5: Hạng mục công trình thay đổi so với đề án .....	15
Bảng 3.1: Kết quả phân tích nước thải đầu ra của cơ sở .....	24
Bảng 3.2: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh .....	28
Bảng 4.1: Giới hạn tối đa cho phép về các thông số trong nước thải.....	32
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA.....	33
Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ .....	34
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023 .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 6.1. Tổng kinh phí giám sát môi trường dự kiến.....	38



## **DANH MỤC CÁC HÌNH**

Hình 1.1. Vị trí cơ sở .....	2
Hình 1.2. Quy trình nuôi tôm tại cơ sở.....	3
Hình 3.1. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước mưa.....	18
Hình 3.2. Mô hình xây dựng bể tự hoại.....	19
Hình 3.3. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất.....	22



## **CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1.1. Tên chủ cơ sở**

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Nguyễn Tuấn Anh.
- Điện thoại: 02996505599
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2200560059 đăng ký thay đổi lần đầu: ngày 15/02/2011, đăng kí thay đổi lần thứ 7, ngày 10 tháng 01 năm 2024. Đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

### **1.2. Tên cơ sở**

- Tên cơ sở: Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng
- Địa điểm cơ sở: Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường: Quyết định số 40/QĐHC-CTUBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở Khu nuôi tôm công nghiệp 35,6896 ha.
- Quy mô cơ sở
  - + Tổng diện tích đất thực hiện cơ sở là 356.896 m<sup>2</sup>.
  - + Nguồn vốn: Vốn cơ sở. Tổng mức đầu tư của cơ sở 40.000.000.000 đồng.
  - + Thuộc nhóm C (theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công)
  - + Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điểm c, khoản 3, Điều 41 là cơ sở hoạt động trước ngày Luật số 72/2020/QH14 Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành và có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường khi đi vào vận hành chính thức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của của cơ sở "Khu nuôi tôm công nghiệp 35,6896 ha" tại Quyết định số 40/QĐHC-CTUBND ngày 23 tháng 01 năm 2013. Do đó, cơ sở thuộc đối tượng phải lập thủ tục để được cấp giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh Sóc Trăng.
- Vị trí địa lý của cơ sở: Cơ sở được đầu tư xây dựng tại ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí tiếp giáp như sau:



Phía Bắc : Giáp trục đường nhựa Mỏ Ó – Lịch Hội Thượng (hướng đi ra tuyến Nam Sông Hậu);

Phía Đông : Giáp đất nuôi tôm của Công ty thủy sản Phương Nam;

Phía Nam : Giáp kênh Xà Mách và đất dân;

Phía Tây : Giáp Sông Mỹ Thanh và khu nuôi tôm của đơn vị khác.

**Bảng 1.1. Tọa độ vị trí cơ sở**

STT	Vị trí	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 <sup>0</sup> 30' múi chiều 6 <sup>0</sup>	
		X	Y
1	VT1	1043568	567016
2	VT2	1043768	567113
3	VT3	1044011	566456
4	VT4	1043339	566163



**Hình 1.1. Vị trí cơ sở**

*Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội:* Cơ sở giáp sông Mỹ Thanh, tại khu vực dân cư tương đối thưa thớt, đa số là các hộ, công ty nuôi tôm. Cơ sở nằm trong vùng nuôi tôm của huyện, cơ sở cách trường tiểu học Lịch Hội Thượng C khoảng 7 km, cách cống Đập Đá khoảng 3,2 km, cách cầu Mỹ Thanh 2 khoảng 7,4 km và cách UBND xã Lịch Hội Thượng khoảng 8,3 km, cách chùa Hội Phước khoảng 7,9 km.



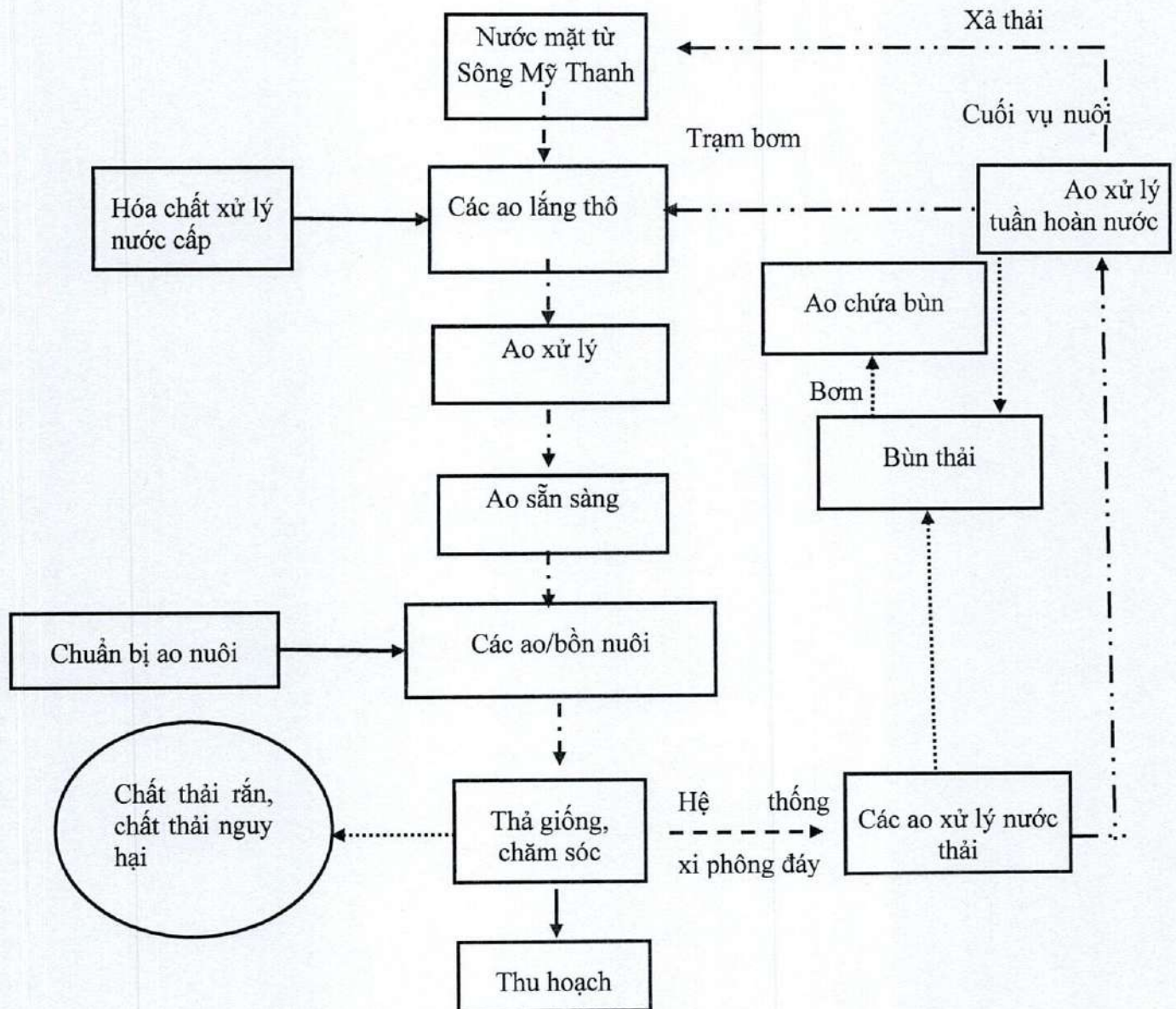
### 1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

#### 1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Tổng diện tích đất thực hiện cơ sở là 356.896 m<sup>2</sup>. Tổng sản lượng tôm thu hoạch hằng năm trung bình khoảng 350-400 tấn/năm

#### 1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình nuôi tôm như sau:



Hình 1.2. Quy trình nuôi tôm tại cơ sở

**Thuyết minh quy trình:**

**a. Quá trình xử lý nước đầu vào:** Nước được cấp từ sông Mỹ Thanh qua 01 trạm bơm có công suất 30 mã lực với ống nhựa đường kính 315 mm. Nước



được chứa tại các ao lắng thô và xử lý bằng vôi từ 3 đến 5 ngày. Sau đó, nước từ ao lắng thô được dẫn qua ao xử lý để tiếp tục lắng. Tiếp tục nước từ ao xử lý sẽ dẫn qua ao sãn sàng. Nước từ ao sãn sàng được sát trùng bằng thuốc tím 5-10 ppm và chlorine 30 ppm.

**b. Chuẩn bị ao nuôi:**

+ Xả cạn nước ao, dọn sạch rác. Sau mưa có nước đọng đáy ao thì phải tháo cạn khô.

+ Lấy nước vào ao, gây màu: Bơm cấp nước từ ao sãn sàng vào ao nuôi qua lưới lọc. Đồng thời, lắp các dàn quạt và bổ sung các hóa chất xử lý (TCCA, vôi, vi sinh,...), gây màu nước tạo thức ăn cho tôm giống bằng men vi sinh để đảm bảo chất lượng nước trước khi nuôi.

**c Giai đoạn nuôi:**

+ Mật độ thả: Tùy vào điều kiện ao nuôi và thời tiết 100 - 150 con/m<sup>2</sup> (tôm thẻ).

+ Chạy quạt trước khi thả giống đảm bảo lượng oxy hòa tan đạt từ 5 mg/l trở lên.

+ Thuần tôm 30 phút trong các thau, thùng nhựa, có sục khí, sau đó cho tôm ra ao từ từ.

+ Chênh lệch độ mặn giữa ao nuôi và bể tôm giống không quá 5‰.

+ Thả tôm lúc sáng sớm hoặc chiều mát và thả hướng trên gió.

**\* Chăm sóc, cho ăn:**

Sử dụng thức ăn viên công nghiệp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Cho tôm ăn 4 lần/ngày. 20 ngày đầu cho ăn bằng tay, ngày thứ 21 trở về sau dùng máy cho tôm ăn. Khẩu phần cho ăn phụ thuộc vào số lượng tôm, kích cỡ tôm, tình hình thời tiết, sức khỏe của tôm.

Tùy thuộc vào sức khỏe tôm nuôi, các yếu tố môi trường, tôm lột xác và thời tiết để tăng hoặc giảm thức ăn cho ngày hôm sau.

**\* Quản lý nước trong ao nuôi:**

Mực nước trong ao nuôi khoảng 1,5 m. Nước trong ao nuôi phải đảm bảo chất lượng trong suốt quá trình nuôi:

+ Độ pH: 7,5 – 8,8;

+ Nhiệt độ: 26<sup>0</sup>C – 31<sup>0</sup>C



- + Độ mặn: 10 – 30‰
- + Oxy hòa tan: 5 – 6 mg/l
- + Độ kiềm: >80 mg CaCO<sub>3</sub>/l
- + Độ trong: 30 – 40 cm
- + H<sub>2</sub>S: <0,03 mg/l
- + Khí Amonia: <0,1 mg/l

Mỗi ngày hai lần, vào buổi sáng và buổi tối kiểm tra độ pH, nhiệt độ, độ mặn, hàm lượng oxy hòa tan, độ trong, mực nước, màu nước. Định kỳ 3-5 ngày kiểm tra độ kiềm, khí độc (H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>). Cách 3-5 ngày lấy mẫu nước ao và mẫu tôm kiểm tra vibrio parahaemolyticus và vibrio spp để biết tình trạng nhiễm bệnh gan tụy EMS ..

**\* Giám sát hằng ngày:**

Hàng ngày đi dọc bờ ao hoặc những lúc cho tôm ăn kiểm tra hoạt động bơi lội, bắt mồi của tôm, thỉnh thoảng ban đêm kiểm tra thêm. Ban đêm tôm yếu có xu hướng bơi sát thành ao, đây là thời điểm thích hợp cho việc phát hiện những bất thường ở tôm.

Kiểm tra ao bao gồm: Quan sát màu sắc của nước, đánh giá độ trong, xem xét tốc độ tăng trưởng của tôm; Kiểm tra tôm xung quanh ao, sát bờ ao và cả trong các tầng nước, đáy ao để xác định lượng thức ăn phù hợp.

Nhận diện các dấu hiệu bệnh lý: tôm bỏ ăn, phân trắng, rỗng ruột, nổi đầu, tấp bờ, ... Tiến hành ngay các biện pháp xử lý phù hợp (điều chỉnh môi trường, thức ăn hoặc kiểm tra chính xác tác nhân gây bệnh cho tôm) khi phát hiện thấy sự bất thường xảy ra trên tôm đang nuôi.

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn sự lây lan mầm bệnh: ngăn chặn các ký chủ trung gian; chống thấm lậu; xử lý triệt để và cách ly hoàn toàn những ao tôm bị bệnh; vệ sinh dụng cụ, công nhân,....

**\* Giám sát định kỳ:**

Kiểm tra định kỳ để đánh giá tỉ lệ sống, trọng lượng, sự phát triển của tôm. Đây cơ sở tin cậy để tính toán lượng thức ăn.

- Bắt đầu kiểm tra tôm từ 45 ngày tuổi: 5 ngày/lần, mỗi lần khoảng 50 con:

- Dùng chài bắt tôm tại ít nhất 4 điểm trong ao. Kiểm tra chiều dài, thể trọng cơ thể từng con, quan sát màu sắc tôm, ký sinh trùng, bệnh tật, ...



Tình trạng lột vỏ phản ánh sự sinh trưởng của tôm. Những con tôm dài trên 3cm thông thường 10-15 ngày lột vỏ một lần, được xem là sinh trưởng tốt.

Tăng cường biện pháp quản lý:

- Điều chỉnh lượng cho ăn hợp lý hoặc nâng cao chất lượng thức ăn.
- Cải thiện chất lượng đáy và nước nuôi, tạo môi trường tốt cho tôm sinh trưởng. Trong quá trình nuôi, khi thấy tảo xanh lên nhiều hoặc lơ lửng trong ao nhiều thì bón vôi với liều lượng 20kg/1000m<sup>3</sup> nước để giảm tảo và chất lơ lửng trong ao nuôi.

- Giảm mật độ nuôi.

- Phòng trị dịch bệnh.

Tiêu diệt các sinh vật cạnh tranh làm tiêu hao thức ăn của tôm.

**\* Phòng trừ dịch bệnh:**

Mặc dù đã làm tốt các công tác thả giống, nuôi dưỡng, kiểm tra ao nuôi hằng ngày, nhưng nhất thiết phải chú trọng công tác phòng trừ dịch bệnh, nhất là khoảng thời gian 30 – 60 ngày sau khi thả giống là giai đoạn tôm nuôi rất dễ mắc bệnh.

Trong quá trình nuôi, phải triệt để áp dụng các biện pháp dự phòng, như trộn thuốc vào thức ăn, sử dụng thuốc tiêu độc, tiến hành điều tiết môi trường sinh thái cho phù hợp với từng thời kỳ sinh trưởng của tôm.

Định kỳ tiến hành cho tôm ăn thức ăn đã tẩm thuốc hoặc chỉ tiến hành khi thấy những phát sinh bất lợi ở tôm, hay chất nước trong ao không tốt. Ngoài tác dụng giúp ngăn ngừa dịch bệnh phát sinh, loại thức ăn đã tẩm thuốc này còn có thể tăng cường thể chất ở tôm. Nhưng không vì thế mà lạm dụng thuốc, đồng thời tránh dùng thường xuyên một loại thuốc.

Trường hợp xảy ra dịch bệnh, để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và lây lan dịch bệnh cho các ao nuôi trong khu vực và lân cận:

- Tiến hành cô lập ao nuôi bị nhiễm bệnh.
- Khử trùng bằng Chlorine nồng độ 30 ppm. Giữ nước trong ao 1 tháng. Sau đó kiểm tra lại virus gây bệnh với nước và đất, đảm bảo không còn mầm bệnh mới tháo nước vào hệ thống kênh thải chung.
- Trường hợp đối với tôm đã đạt kích cỡ tôm thương phẩm mà bị bệnh: Tiến hành thu hoạch nhanh. Khi thu hoạch tuyệt đối không tháo nước. Tôm phải



được vận chuyển bằng các loại xe chuyên dụng, đảm bảo không làm rơi vãi nước trên đường đi; phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước khi rời khỏi cơ sở nuôi.

#### **d. Thu hoạch**

+ Quản lý chất lượng tôm trước khi thu hoạch: Trước khi thu hoạch cần tiến hành kiểm tra sức khỏe, chất lượng và an toàn vệ sinh trước khi vận chuyển về nhà máy chế biến, nếu không sẽ bị thiệt hại về mặt giá cả vì chúng rất dễ được nhận biết thông qua vẻ bề ngoài của chúng. Nếu phát hiện tôm không đủ điều kiện sức khỏe phải xử lý trước khi thu hoạch hoặc chọn ra tôm đạt chất lượng trong quá trình thu hoạch.

+ Thu hoạch tôm: Sau thời gian nuôi tôm đủ 4 tháng, tôm cần được thu hoạch càng nhanh càng tốt khi đã đạt kích cỡ và đúng thời điểm có lợi về giá cả. Kỹ thuật thu hoạch phải đảm bảo không gây thiệt hại hoặc ô nhiễm quá mức cho tôm do nhiều chất thải. Thu hoạch nhanh sẽ giảm thiệt hại do tôm nhiễm bệnh và tôm sẽ vẫn tươi khi đến tay người chế biến hoặc tiêu dùng. Bình thường tôm được lấy mẫu bằng lưới quăng tại các khu vực khác nhau của ao để xác định trọng lượng trung bình và các điều kiện chung, nên thu hoạch vào lúc tỷ lệ tôm lột vỏ < 5%, và thu vào thời điểm giữa 2 kỳ lột vỏ là tốt nhất.

+ Bảo quản tôm sau thu hoạch: Tôm thu hoạch lên sẽ được dội nước làm sạch, loại bỏ tôm dập nát, tôm không đủ kích cỡ và tôm kém chất lượng, loại bỏ rác, tạp chất và phân thành nhiều túi (giỏ, sọt, thùng) nhỏ để tránh tình trạng thiệt hại và đưa tới ngay đến nơi tiêu thụ. Trường hợp nếu phải vận chuyển xa đến xí nghiệp chế biến hoặc nơi thu gom (không nên quá 10 tiếng) thì đưa nhanh vào bảo quản bằng nước đá (trước đó giết chết tôm tức thì bằng cách nhúng vào nước đá) thành từng lớp và ướp trong vỏ (lò) cứng, tốt nhất là các thùng gỗ (lót xốp) hoặc dùng thùng nhựa cách nhiệt chuyên dùng.

+ Tiêu thụ: Toàn bộ lượng tôm thịt thu hoạch được sẽ được vận chuyển bằng các xe tải đông lạnh về các nhà máy chế biến thủy sản thuộc Công ty TNHH Khánh Sùng.

#### **1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:**

Công suất của cơ sở trung bình khoảng 350-400 tấn tôm tươi nguyên liệu hàng năm.



**1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

**1.4.1. Nguyên, vật liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở**

**a. Nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở**

Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở như sau:

**Bảng 1.2. Nguyên - nhiên - vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở**

TT	Nguyên - nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng
1	Bets Beta	Hộp/năm	45
2	Bicar Z	kg/năm	88
3	Calcium Hypochloride	Thùng/năm	38
4	D100	Bao/năm	460
5	EDTA	Bao/ năm	1
6	HCL	kg/ năm	525
7	Hi-Oxy	kg/năm	17.425
8	Mật đường	kg/năm	8.785
9	NaOH	kg/năm	84.105
10	O3	gói/năm	16.535
11	Sodium Percarbonate	kg/năm	677
12	TCCA	kg/năm	14.000
13	Thuốc Tím	kg/năm	118
14	Chorine	kg/năm	6
15	Vôi	kg/năm	9.243
16	Super - Ca	kg/năm	1.020
17	Bạt	m <sup>2</sup> /7 năm	213.000
18	Thức ăn	tấn/năm	600



Nhu cầu sử dụng con giống của cơ sở như sau:

- Con giống thê: khoảng 10 – 12 triệu post/năm

### **b Nhiên liệu**

Dầu DO và nhớt vận hành máy phát điện: Khoảng 6.000 lít dầu DO và 20 lít nhớt mỗi năm;

Xăng xe cộ: ước tính khoảng 180 lít/tháng.

Khí gas đốt phục vụ bếp ăn: ước tính khoảng 90 kg/tháng

### **c. Nguồn cung cấp điện**

- **Nguồn cung cấp:** Cơ sở sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện quốc gia và trang bị 03 trạm biến áp công suất 400 kVA. Ngoài ra, trường hợp có sự cố cúp điện sẽ sử dụng nguồn điện từ máy phát điện dự phòng. Cơ sở trang bị 04 máy phát điện dự phòng tổng công suất 1850 KVA.

- **Nhu cầu sử dụng:** Điện sử dụng cho sinh hoạt của công nhân và sản xuất (vận hành máy bơm, quạt nước, máy thổi khí, thắp sáng,...) ước tính khoảng 55.000 ÷ 65.000 kWh/tháng.

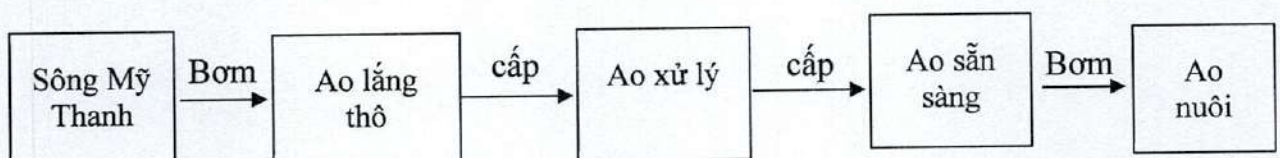
### **b. Nguồn cung cấp nước**

- Hiện tại, Cơ sở sử dụng 3 nguồn cung cấp nước chính, bao gồm:

+ Nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt (tắm, giặt, nấu ăn...) của công nhân viên sử dụng nước từ trạm cấp nước Tổng Cánh;

+ Cơ sở có 1 giếng khoan sâu 100m để cung cấp cho quá trình vệ sinh thiết bị sau khi hoạt động.

+ Nước cấp cho hoạt động nuôi tôm: sử dụng nguồn nước mặt từ sông Mỹ Thanh tiếp giáp với dự án với quy trình cấp nước như sau:



### **- Lưu lượng sử dụng**

+ Nước cấp cho quá trình sinh hoạt của công nhân, nhân viên. Theo thực tế, nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở theo hóa đơn tiền điện nước trong 03 tháng gần nhất (tháng 7-9) lượng nước cấp sử dụng trung bình khoảng 119,3 m<sup>3</sup>/ tháng tương đương với 3,98 m<sup>3</sup>/ngày đêm.



+ Nước cấp cho hoạt động cho quá trình thiết bị (cụ thể là vệ sinh cánh quạt) sau khi thu hoạch từng vụ: Theo chủ Cơ sở, sau khi thu hoạch từng vụ sẽ tiến hành vệ sinh thiết bị trong 04 ngày, mỗi ngày phát sinh khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày tương đương với 6 m<sup>3</sup>/vụ. Như vậy tổng lượng nước cấp cho vệ sinh thiết bị là 12 m<sup>3</sup>/năm (6 m<sup>3</sup>/vụ x 2 vụ/năm). Cơ sở đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Đề cấp Giấy xác nhận đăng ký công trình khai thác nước dưới đất ngày 24/08/2015 với lưu lượng 3 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nước cấp phục vụ cho hoạt động nuôi tôm: Cơ sở có 37 ao nuôi, đến vụ thả nuôi tiến hành lấy nước vào ngày nước lớn, nước được bơm từ Sông Mỹ Thanh bằng motor. Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 07/GP-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 với lưu lượng khai thác lớn nhất theo ngày là 10.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm, lưu lượng khai thác lớn nhất theo mùa vụ là: 329.472 m<sup>3</sup>/vụ và lưu lượng khai thác lớn nhất theo năm là 658.944 m<sup>3</sup>/năm. Tổng diện tích ao nuôi là 66.800 m<sup>2</sup>, mỗi năm cơ sở tiến hành nuôi 2 vụ. Vụ 1: khoảng từ tháng 1 đến tháng 4; Vụ 2: khoảng từ tháng 9 đến tháng 12. Mỗi vụ nuôi tiến hành thả nuôi 4 đợt. Cụ thể như sau:

Đợt 1: 10 ao

Đợt 2: 10 ao

Đợt 3: 10 ao

Đợt 4: 7 ao

Mỗi đợt cách nhau 10-15 ngày. Lượng nước cấp phục vụ cho nuôi tôm được tính như sau:

\* Nhu cầu cấp nước ao nuôi với độ sâu 1,2 m:

$$66.800 \text{ m}^2 \times 1,2 \text{ m} = 80.160 \text{ m}^3/\text{năm}$$

\* Theo kinh nghiệm thực tế từ các khu nuôi tôm gần khu vực cơ sở, lượng nước bổ sung cho các ao trong trường hợp nước bị nhiễm bẩn, tôm bệnh khó lột xác, khoảng 10 - 15% lượng nước và lượng nước bổ sung một lần trong một vụ nuôi là:

$$80.160 \text{ m}^3 \times 15\% \times 1 \text{ lần} = 12.024 \text{ m}^3.$$

+ Nước rửa bạt: Sử dụng nước tưới lên bạt, nước xịt đến đâu, công nhân thực hiện vệ sinh bạt đến đó. Bình quân lượng mực nước rửa bạt trong ao khoảng 5 cm. Do đó, nhu cầu cấp nước rửa bạt là 3.095 m<sup>3</sup> (61.900 m<sup>2</sup> x 0,05 m = 3.095 m<sup>3</sup>/năm)

→ Vậy tổng lượng nước cấp cho nuôi trồng là: 80.160 + 12.024 + 3.095 = 95.279 m<sup>3</sup>/năm.

Như vậy tổng lưu lượng nước mặt cung cấp cho mục đích nuôi tôm tại cơ sở khoảng 95.279 m<sup>3</sup>/năm (95.279 m<sup>3</sup>/năm : 2 vụ/năm = 47.639,5 m<sup>3</sup>/vụ).



Tổng nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở trong giai đoạn hoạt động được mô tả tại bảng sau:

**Bảng 1.3. Nhu cầu cấp nước cho cơ sở**

TT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /năm)	Nguồn cung cấp	Thời gian sử dụng
1	Sinh hoạt	996.45	Trạm cấp nước địa phương	Xuyên suốt trong năm
	Vệ sinh thiết bị	12	Nước dưới đất	Sau khi thu hoạch từng vụ
2	Nuôi tôm	95.279	Sông Mỹ Thanh	Trong suốt quá trình nuôi
<b>Tổng</b>		<b>96.287,45</b>	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng, 2024)

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

- Tổng diện tích thực hiện cơ sở là 356.896 m<sup>2</sup>. Phương án bố trí mặt bằng được trình bày như sau:

**Bảng 1.4. Các hạng mục công trình cơ sở**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nhóm các hạng mục công trình chính</b>			200.000	
1	Ao nuôi dạng bồn	Bồn	07	4.900	
2	Ao nuôi lót bạt HDPE	Ao	30	61.900	
3	Ao lắng thô	Ao	06	43.700	
3	Ao xử lý	Ao	10	46.900	
4	Ao sẵn sàng	Ao	10	42.600	
<b>II</b>	<b>Nhóm các hạng mục công trình phụ trợ</b>				
1	Văn phòng	Căn	01	50	
2	Phòng Lab	Căn	01	120	
3	Nhà điều hành	Căn	01		



STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
4	Nhà kỹ thuật	Căn	01	96	
5	Nhà bảo vệ	Căn	06	46,8	
6	Nhà xe	Căn	01	170	
7	Căn tin	Căn	01	192	
8	Nhà nghỉ công nhân	Căn	02	256	
9	Khu vực máy phát điện	KV	04	211	
10	Trạm điện	Trạm	03	108	
12	Kho cơ khí+ Vật tư	Kho	01	620	
13	Kho thuốc	Kho	02	100	
14	Kho hoá chất	Kho	01	200	
15	Khu trộn	Khu	01	100	
16	Kho thức ăn	Kho	01	100	
17	Kho vật tư	Kho	01	200	
18	Trạm bơm	Trạm	01	50	
19	Nhà chứa Chlorine gas	Căn	04	60	
20	Đường nội bộ, bờ ao và hạng mục khác	m <sup>2</sup>		129.152,7	
<b>III</b>	<b>Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường</b>				
21	Ao chứa bùn	Ao	03	8.800	
22	Ao xử lý nước thải	Ao	06	10.500	
23	Ao xử lý nước tuần hoàn	Ao	02	5.300	
24	Nhà vệ sinh	Căn	02	96	
25	Khu phế liệu	Khu	01	168	
26	Kho rác thải nguy hại	Kho	01	3,75	
27	Kho rác thải sinh hoạt	Kho	01	3,75	



STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
28	Điểm tập kết tôm xi phông	Sân	01	96	
29	Hố chôn tôm chết	Hố	01	96	
	<b>Tổng diện tích</b>			<b>356.896</b>	

(Nguồn: Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng, 2024)

**- Các hạng mục công trình chính:**

+ *Ao nuôi dạng bồn*: Gồm 07 bồn, có diện tích trung bình 700 m<sup>2</sup>/bồn. Giữa bồn có xi phông đáy. Mỗi bồn có 6 – 8 dàn quạt.

+ *Ao nuôi*: Gồm 30 ao, có tổng diện tích . Bờ và đáy ao lót bạt HDPE dày 0,5 mm. Giữa ao có xi phông đáy. Mỗi ao có 6 – 8 dàn quạt.

+ *Ao lắng thô*: Gồm 06 ao, có tổng diện tích 43.700 m<sup>2</sup>. Ao lắng thô là nơi lấy nước cấp đầu vào từ sông Mỹ Thanh qua các trạm bơm phục vụ cho quá trình nuôi.

+ *Ao xử lý*: Gồm 10 ao, có tổng diện tích 46.900 m<sup>2</sup>. Nước sau khi qua ao lắng thô sẽ được dẫn qua ao xử lý tiếp tục.

+ *Ao sãn sàng*: Gồm 10 ao, có tổng diện tích 59.700 m<sup>2</sup>. Nước sau khi qua ao xử lý sẽ được dẫn vào sãn sàng để phục vụ nước trực tiếp cho các ao nuôi.

**- Hạng mục công trình phụ trợ:**

+ *Văn phòng làm việc, phòng lab và nhà kỹ thuật*:

Cơ sở có 01 văn phòng (diện tích 50 m<sup>2</sup>), 01 phòng lab (diện tích 120 m<sup>2</sup>), 01 nhà kỹ thuật (diện tích 96 m<sup>2</sup>) phục vụ cho hoạt động nuôi tôm tại cơ sở.

+ *Nhà bảo vệ, nhà xe, căn tin, nhà nghỉ công nhân*:

Cơ sở có 06 nhà bảo vệ có tổng diện tích (46,8 m<sup>2</sup>), 01 nhà xe (diện tích 170 m<sup>2</sup>), 01 căn tin (192m<sup>2</sup>), 02 nhà nghỉ công nhân (diện tích 256 m<sup>2</sup>) phục vụ cho hoạt động sinh hoạt, nghỉ ngơi của người lao động tại cơ sở.

+ *Khu vực máy phát điện, trạm điện, kho cơ khí+ vật tư cơ khí, , kho thuốc, kho hóa chất, khu trộn, kho thức ăn, kho vật tư, trạm bơm, nhà chứa Chlorine gas*

Cơ sở có 04 khu vực máy phát điện (diện tích 211 m<sup>2</sup>), 03 trạm điện (diện tích 108 m<sup>2</sup>), 01 kho cơ khí+vật tư cơ khí (diện tích 620 m<sup>2</sup>), 01 kho thuốc (diện tích 100 m<sup>2</sup>), 01 kho hóa chất (diện tích 200 m<sup>2</sup>), 01 khu trộn (diện tích 100 m<sup>2</sup>), 01 kho thức ăn (diện tích 100 m<sup>2</sup>), 01 kho vật tư (diện tích 200 m<sup>2</sup>), 01 trạm bơm



(diện tích 120 m<sup>2</sup>), 04 nhà chứa Chlorine gas (diện tích 60 m<sup>2</sup>). Các công trình này phục vụ việc lưu chứa thức ăn, hóa chất, dụng cụ, .... để phục vụ cho hoạt động nuôi tôm của cơ sở

+ *Đường nội bộ, bờ bao và các hạng mục khác:*

Hệ thống đường nội bộ xây dựng trên các tuyến đê bao chính của cơ sở nhằm phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa, sản phẩm. Tổng diện tích của đường nội bộ, bờ bao và hạng mục khác là 129.152,7 m<sup>2</sup>.

- *Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:*

+ *Ao chứa bùn:* Cơ sở sử dụng 03 ao với chức năng chứa lượng bùn thải phát sinh từ hoạt động nuôi tôm của cơ sở với diện tích là 8.800 m<sup>2</sup>. Ao được lót bạt HDPE nhằm đảm bảo chống thấm, chống tràn đối với các ao, hồ, khu chứa nước thải của cơ sở.

+ *Ao xử lý nước thải:* Cơ sở sử dụng 06 ao dọc theo chiều dài các ao nuôi tôm làm ao xử lý nước thải, trong đó ao xử lý nước thải được nối liền với nhau. Tổng diện tích các ao xử lý nước thải là 10.500 m<sup>2</sup>, sâu 2,5 m, tổng thể tích 26.250 m<sup>3</sup>. Toàn bộ các ao được bê tông hóa nhằm đảm bảo chống thấm, chống tràn đối với các ao, hồ, khu chứa nước thải của cơ sở.

+ *Ao xử lý nước tuần hoàn:* Cơ sở sử dụng 02 ao xử lý nước tuần hoàn nhằm tuần hoàn tái sử dụng nước trong quá trình nuôi tôm tại cơ sở. Ao có tổng diện tích 5.300 m<sup>2</sup>, độ sâu 3 m, tổng thể tích 15.900 m<sup>3</sup>. Ao được lót bạt HDPE nhằm đảm bảo chống thấm, chống tràn đối với các ao, hồ, khu chứa nước thải của cơ sở.

+ *Khu phế liệu:* Cơ sở bố trí 01 khu phế liệu có diện tích 168 m<sup>2</sup> để lưu chứa các phế liệu thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở.

+ *Kho rác thải nguy hại:* Cơ sở bố trí 01 kho rác thải nguy hại có diện tích 3,75 m<sup>2</sup> dùng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

+ *Kho rác thải sinh hoạt:* Cơ sở bố trí 01 kho rác thải sinh hoạt có diện tích 3,75 m<sup>2</sup> dùng để lưu chứa rác thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

+ *Điểm tập kết tôm xi phông:* Cơ sở bố trí 01 sân tập kết tôm xi phông có diện tích 96 m<sup>2</sup>

+ *Hố chôn tôm chết:* Cơ sở bố trí 01 hố chôn tôm chết có diện tích 96 m<sup>2</sup> được lót bạt đáy chống thấm để chôn lấp các phế phẩm xác tôm chết.



+ *Nhà vệ sinh*: Cơ sở sử dụng 02 nhà vệ sinh với tổng diện tích 96 m<sup>2</sup>, có bố trí hầm tự hoại phục vụ cho nhu cầu vệ sinh cá nhân, tắm rửa của nhân viên làm việc tại cơ sở.

➤ **Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

Các hạng mục công trình của Công ty có sự thay đổi so với Quyết định số 40/QĐHC-CTUBND ngày 23/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở “Khu nuôi tôm công nghiệp 35,6896 ha” cụ thể như sau:

**Bảng 1.5. Hạng mục công trình thay đổi so với đề án**

STT	Theo đề án được phê duyệt		Hiện trạng		Ghi chú
	Hạng mục công trình	Tổng Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Hạng mục công trình	Tổng diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	
<b>I</b>	<b>Nhóm các hạng mục công trình chính</b>				
	Ao nuôi	166.400	Ao nuôi	66.800	
	Ao cấp nước + lãng	71.400	Ao cấp nước + ao lãng	133.200	
<b>II</b>	<b>Nhóm các hạng mục công trình phụ trợ</b>				
	Sân bãi, đường giao thông nội bộ, đường bờ	15.033	Sân đường nội bộ, bờ bao	129.152,7	
	Nhà văn phòng	120	Văn phòng	50	
	Nhà ở công nhân	120	Nhà nghỉ công nhân	256	
	Nhà ăn	80	Căn tin	192	
	Kho chứa thức ăn	100	Kho thức ăn	100	
	Kho chứa vôi + hóa chất	200	Kho vật tư + hóa chất	400	
	Khu vực cấp điện	20	Trạm điện	108	
	Khu vực cấp nước	4	Trạm bơm	50	
	-	-	Khu vực máy phát điện	211	
	-	-	Kho cơ khí + vật tư	620	
	-	-	Kho thuốc	100	
	-	-	Khu trộn	100	
	-	-	Nhà chứa Chlorine gas	60	
<b>III</b>	<b>Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường</b>				



STT	Theo đề án được phê duyệt		Hiện trạng		Ghi chú
	Hạng mục công trình	Tổng Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Hạng mục công trình	Tổng diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	
	Khu chứa chất thải	50	Khu phế liệu	168	
	Nhà vệ sinh	48	Nhà vệ sinh	96	
	Ao xử lý nước thải	70.000	Ao xử lý nước thải	10.500	
	Ao chứa bùn	28.800	Ao chứa bùn	8.800	
	Diện tích đất vườn trồng cây + còn lại	5.321	-	-	Đã bố trí vào sân đường nội bộ, bờ ao.
	-	-	Kho rác thải nguy hại	3,75	
	-	-	Kho rác thải sinh hoạt	3,75	
	-	-	Điểm tập kết tôm xi phông	96	
	-	-	Hồ chôn tôm chết	96	



## **CHƯƠNG II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

##### *Quy hoạch BVMT Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030*

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cho thấy dự án phù hợp với quan điểm đáp ứng các yêu cầu thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

##### *Dự án phù hợp:*

- Việc thành lập dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.
- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;
- Quyết định số 690/QĐHC-CTUBND ngày 01/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt quy hoạch thủy sản tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Kế hoạch 140/KH-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển ngành tôm tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025.

#### **2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Theo khoản 1 điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 15 của Thông tư Số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và theo Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 04/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông chính thuộc nguồn nước nội tỉnh (nước mặt) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thì Sông Mỹ Thanh (đoạn 2) nằm trong danh mục phê duyệt và còn khả năng tiếp nhận nước thải. Vì vậy, cơ sở không thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường.



### CHƯƠNG III

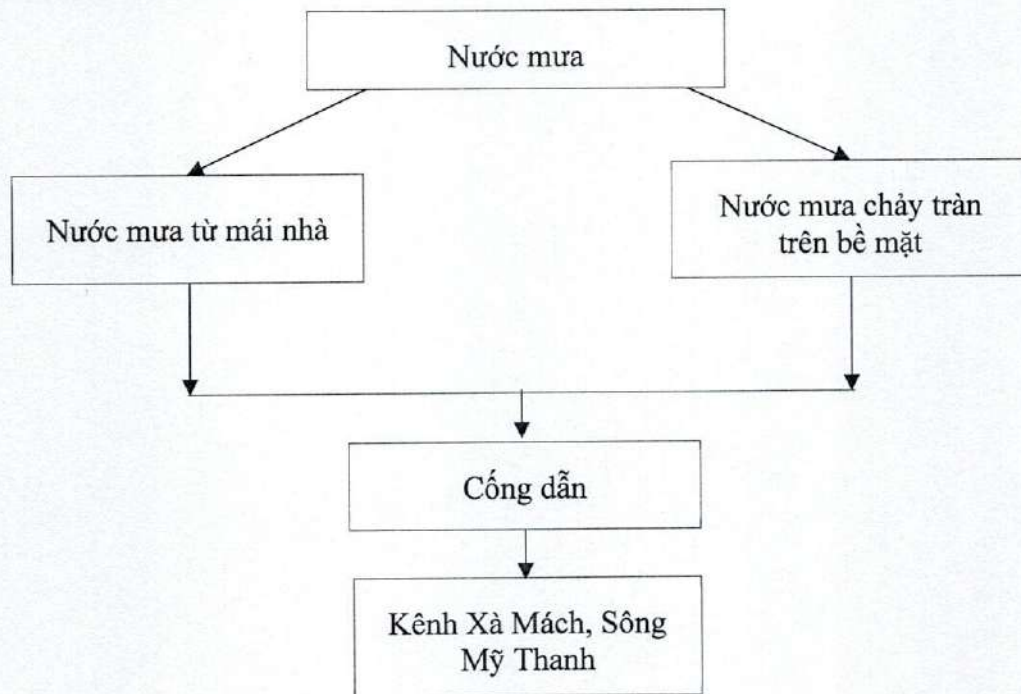
## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Các biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

Lượng nước mưa chảy tràn phát sinh tại dự án được thu gom và quản lý theo sơ đồ tại hình 3.1 như sau:



**Hình 3.1. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước mưa**

Đối với nước mưa chảy tràn tại khu vực ao nuôi: Theo độ dốc thoát vào ao nuôi, ao xử lý, ao cấp nước, ... theo hướng từ nơi cao đến nơi thấp, nước mưa chảy vào nguồn tiếp nhận (Kênh Xà Mách, Sông Mỹ Thanh).

Đối với nước mưa chảy tràn khu vực nhà kho, văn phòng: Lắp đặt máng xối thu gom nước mưa trên mái nhà và bố trí ống nhựa  $\phi 90$  để dẫn nước từ máng xối xuống đất vào hố ga. Nước mưa chảy tràn trên sân được thu gom vào hố ga và cống thoát nước mưa, sau đó thoát vào kênh Xà Mách.

Ngoài ra, trước mùa mưa thực hiện nạo vét đường thoát nước mưa, tạo dòng chảy thông thoáng; Thu gom rác thải sau mỗi ngày làm việc để hạn chế việc nước mưa chảy tràn làm cuốn trôi lượng rác thải này.



### 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- *Nước thải sinh hoạt*: từ các hoạt động vệ sinh của công nhân viên làm việc tại cơ sở với lưu lượng phát sinh khoảng 3,98 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Lượng nước thải sau khi xử lý tại hầm tự hoại sẽ được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của cơ sở.

- *Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị*: Cơ sở chỉ vệ sinh thiết bị (cụ thể là cánh quạt) sau khi thu hoạch của từng vụ với lưu lượng khoảng 12 m<sup>3</sup>/năm (nguồn thải không liên tục). Cơ sở bố trí vệ sinh thiết bị gần khu vực các ao xử lý nước thải chung của cơ sở để xử lý.

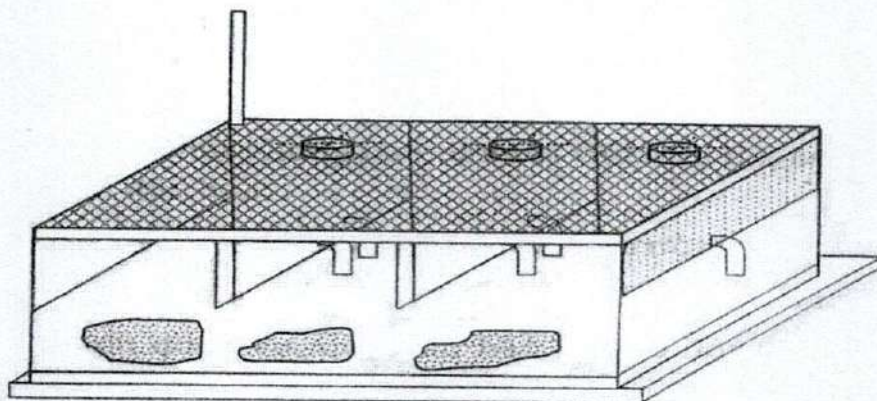
- *Nước thải sản xuất*: Để giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt cơ sở đầu tư xây dựng nhà vệ sinh theo mô hình bể tự hoại để xử lý lượng nước thải phát sinh hàng ngày và được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của dự án. Cơ sở xây dựng bể tự hoại với tổng thể tích 12 m<sup>3</sup>.

Nước thải sinh hoạt cùng với nước thải sản xuất sẽ thoát vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở bằng hình thức tự chảy.

### 3.1.3. Xử lý nước thải

#### a. Nước thải sinh hoạt:

- *Nguồn phát sinh*: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Để giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt cơ sở đã xây dựng nhà vệ sinh theo mô hình bể tự hoại để xử lý lượng nước thải phát sinh hàng ngày với thể tích 12 m<sup>3</sup>



**Hình 3.2. Mô hình xây dựng bể tự hoại**

#### Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- *Ngăn chứa phân*: Có kích thước lớn nhất (chiếm 50%), đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- *Ngăn lọc*: Nước thải sau khi qua ngăn chứa được dẫn vào ngăn lọc bằng các lỗ thông trên vách.



- Ngăn khử mùi: Chứa than, nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi xả ra bên ngoài.

Hiệu suất xử lý cặn được giữ lại trong đáy bể từ 03 – 06 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.

Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí phát sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, COD và SS giảm đáng kể (40 – 50%). Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể.

Khoảng 06 tháng/lần dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng hút bùn ra khỏi bể để mang đi xử lý, nhưng để lại khoảng 20% để giúp cho việc lên men.

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại bể tự hoại sẽ được đưa vào ao xử lý nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

#### **b. Nước thải sản xuất**

- Nguồn phát sinh: Trong hoạt động nuôi tôm nước thải phát sinh chủ yếu từ quá trình thay nước định kỳ, quá trình thu hoạch. Nước từ các ao nuôi sau khi thu hoạch sẽ được thải và chuẩn bị cho vụ nuôi tiếp theo. Theo số liệu kiểm soát thực tế và quy trình dự kiến sau cải tạo của cơ sở lượng nước thải phát sinh cụ thể như sau:

##### **\* Nước thải xi phong**

Đối với quá trình xi phong đáy ao: Cơ sở có 37 ao nuôi tôm, mỗi năm cơ sở tiến hành nuôi 2 vụ. Mỗi vụ tiến hành thả 4 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: 10 ao

Đợt 2: 10 ao

Đợt 3: 10 ao

Đợt 4: 7 ao

Mỗi đợt cách nhau 10 - 15 ngày. Tổng lượng nước ao nuôi của 37 ao nuôi tôm là 80.160 m<sup>3</sup>. Quá trình xi phong nước thải đáy ao được thực hiện hằng ngày. Tùy vào giai đoạn nuôi, lượng nước thải xi phong dao động từ 0,5 – 1% lượng nước ao nuôi, do đó đối với lượng nước thải xi phong phát sinh cao nhất trong ngày vào thời gian cao điểm là 801,6 m<sup>3</sup>/ngày (lượng phát sinh cao nhất trên ngày).



**\* Nước thải sau khi thu hoạch tôm**

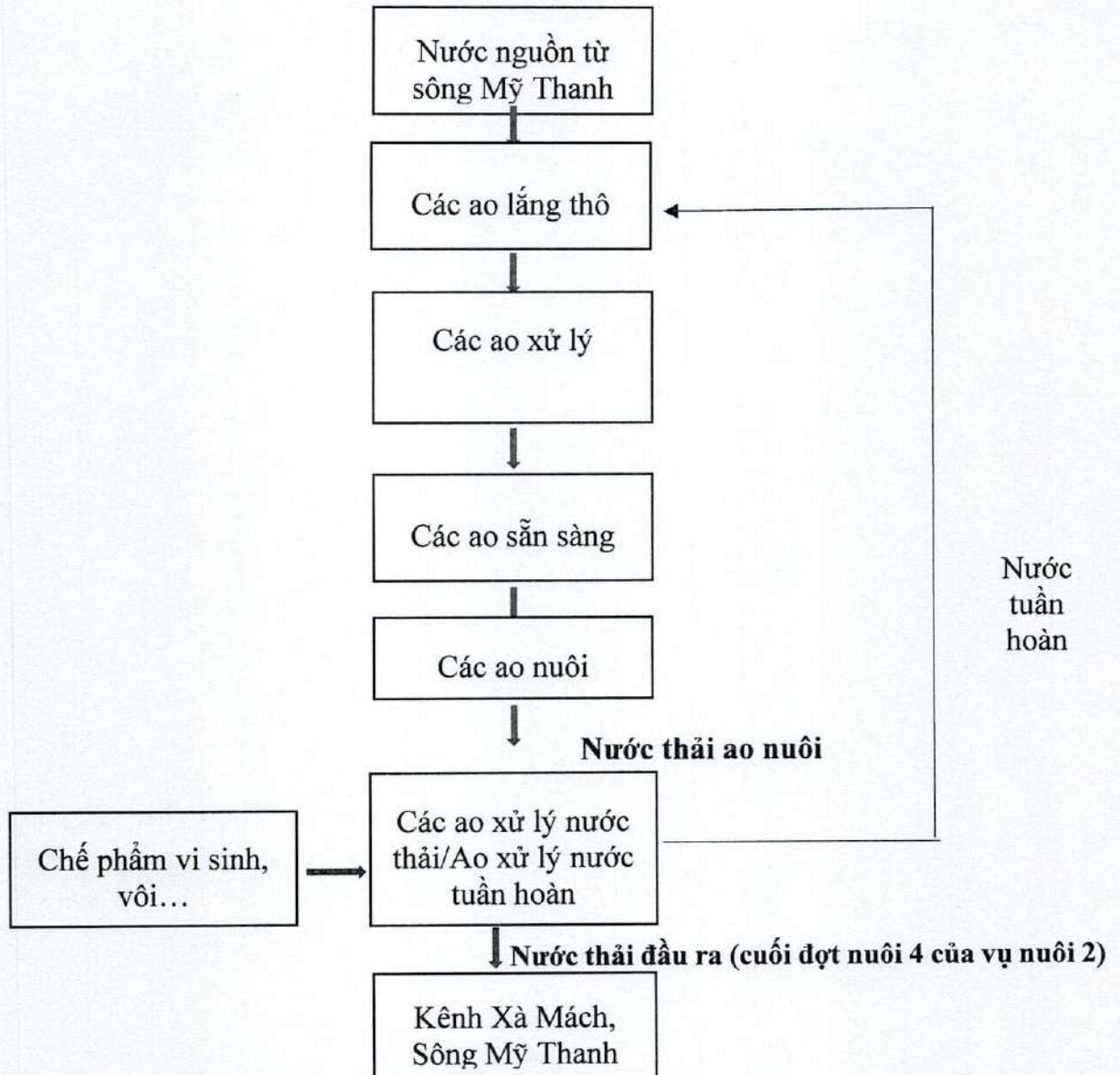
Lượng nước cấp cho hoạt động nuôi tôm của cơ sở là 95.279 m<sup>3</sup>/năm . Lượng nước sau khi thu hoạch tôm đợt 1,2,3 của mỗi vụ nuôi được xử lý tại các ao xử lý nước thải, ao xử lý tuần hoàn và tuần hoàn về ao lắng 100% để tiếp tục sử dụng phục vụ cho nhu cầu nuôi tôm. Vào cuối đợt nuôi thứ 4 của cuối vụ nuôi thứ 2 trong năm, số ao nuôi nhiều nhất là 10 ao và diện tích trung bình mỗi ao là 2.063 m<sup>2</sup>, mực nước trong ao khoảng 1,2 m. Lượng nước thải phát sinh khoảng 24.756 m<sup>3</sup>. Mỗi đợt xả thải là 09 ngày nên lượng nước thải phát sinh khoảng 2.750 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Biện pháp xử lý:**

Nước thải phát sinh từ quá trình thu hoạch tôm đợt 1, 2, 3 của mỗi vụ nuôi và từ quá trình xi phông đáy sẽ được thu gom bằng ống PVC có đường kính 140 mm được đầu nối vào các ao xử lý nước thải có kích thước 1750 m<sup>2</sup>/ao sâu 2,5 m, thể tích lưu chứa mỗi ao là 4375 m<sup>3</sup>, sau đó nước thải sau xử lý sẽ được bơm về các ao xử lý tuần hoàn có kích thước 2650 m<sup>2</sup>/ao, sâu 3m, thể tích lưu chứa mỗi ao 7950 m<sup>3</sup>, sau đó tiếp tục tuần hoàn 100% về các ao lắng thô có kích thước 7283 m<sup>2</sup>/ao, sâu 3m, thể tích lưu chứa 21.849 m<sup>3</sup> bằng ống PVC có đường kính 200 mm để tiếp tục phục vụ cho nhu cầu nuôi tôm. Đối với nước thải phát sinh vào cuối đợt nuôi thứ 4 của cuối vụ nuôi thứ 2 trong năm sẽ được thu gom bằng đường ống PVC có đường kính 140 mm được đầu nối vào các ao xử lý nước thải có thể tích lưu chứa mỗi ao 4375 m<sup>3</sup> và được chủ cơ sở bê tông hóa nhằm đảm bảo chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước theo đúng quy định. Gồm 06 ao xử lý nước thải có tổng diện tích 10.500 m<sup>2</sup> sâu 2,5 m, tổng thể tích chứa 26.250 m<sup>3</sup>, trong đó mỗi ao có diện tích trung bình 1750 m<sup>2</sup>, 02 ao xử lý tuần hoàn có tổng diện tích 5.300 m<sup>2</sup>, sâu 3 m, tổng thể tích chứa 15.900 m<sup>3</sup>, trong đó mỗi ao có diện tích trung bình 2650 m<sup>2</sup>, 06 ao lắng thô có tổng diện tích 43.700 m<sup>2</sup>, sâu 3 m, tổng thể tích lưu chứa 131.100 m<sup>3</sup>, trong đó mỗi ao có diện tích trung bình 7283 m<sup>2</sup> . Nước thải sau xử lý được thải thông qua đường ống PVC có đường kính 200 mm thoát vào nguồn tiếp nhận là Kênh Xà Mách và Sông Mỹ Thanh.

Hỗn hợp nước thải chứa thành phần các chất gây ô nhiễm cao như BOD<sub>5</sub>, SS, tổng P, Amoni...cao. Được xử lý như sau:





**Hình 3.3. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất**

Thuyết minh quy trình:

Nước thải phát sinh trong quá trình thay nước ao nuôi các đợt và sau khi thu hoạch tôm nuôi đợt 1, 2, 3 của mỗi vụ nuôi (nước thải trong quá trình thay nước, thu hoạch tôm) sẽ được dẫn về các ao xử lý nước thải và ao xử lý nước tuần hoàn. Hệ thống gồm 06 ao nằm cặp các ao nuôi (diện tích 10.500 m<sup>2</sup>, sâu khoảng 2,5 m, thể tích chứa 26.250 m<sup>3</sup>) và 02 ao xử lý nước tuần hoàn (diện tích 5.300 m<sup>2</sup>, sâu khoảng 3 m, thể tích 15.900 m<sup>3</sup>). Tại đây nước được xử lý bằng chế phẩm vi sinh.

- Vôi: 5 – 10kg/m<sup>2</sup>
- Chế phẩm sinh học
- Tần suất: 3 – 5 ngày/lần.

Sau đó, tiến hành kiểm tra các thông số như DO, pH, độ mặn, độ kiềm, độ trong nhằm đảm bảo chất lượng phục vụ nuôi tôm trước khi bơm nước vào các ao



lắng thô. Nước tại ao lắng thô được xử tiếp tục với quy trình tương tự đối với nước được lấy từ sông Mỹ Thanh. Sau đó, nước được dẫn qua các ao xử lý để tiếp tục lắng, sau đó nước tại ao xử lý nước được dẫn qua ao sần sàng để phục vụ nhu cầu nuôi tôm.

Đối với nước thải phát sinh vào cuối đợt nuôi 4 của vụ nuôi 2 sẽ được dẫn vào 06 ao xử lý nước thải. Tại đây nước thải được xử lý bằng chlorine nồng độ 30 ppm và vôi để lắng khoảng 3-5 ngày. Trong thời gian lưu, tại đây diễn ra quá trình tự làm sạch. Tiếp theo, nước thải được phân tích để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) trước khi xả thải. Nếu kết quả phân tích nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải chưa đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) thì tiếp tục xử lý. Chủ cơ sở cam kết chỉ thực hiện xả thải khi các thông số ô nhiễm đạt quy chuẩn theo quy định hiện hành. Nước thải sau quá trình xử lý sẽ được chảy ra ống PVC có đường kính Ø200 và thoát ra kênh Xà Mách, Sông Mỹ Thanh.

**Trong trường hợp ao nuôi bị dịch bệnh phải thu hoạch sớm:** Trong trường hợp này tôm sẽ được thu hoạch nhanh. Nước thải trong ao được cô lập và xử lý trực tiếp tại ao nuôi. Tiến hành xử lý bằng chlorine 30ppm để tiêu diệt mầm bệnh đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Sau đó sẽ được chạy máy quạt khí khoảng 2 ÷ 3 ngày để loại bỏ hàm lượng chlorine trong nước của ao xử lý.

**Trường hợp ao nuôi bị dịch bệnh không thu hoạch được:** Chủ cơ sở sẽ áp dụng quy trình xử lý như sau:

- Đối với các ao bị bệnh, nước thải được xử lý trực tiếp tại ao nuôi.
- Tiến hành cô lập ao nuôi, bón chlorine 30 ppm.
- Sau đó sẽ được chạy máy quạt khí khoảng 2 ÷ 3 ngày để loại bỏ hàm lượng chlorine trong nước của ao xử lý.
- Nước thải sau khi được quạt khí thoáng sẽ được thoát vào ao xử lý nước thải, tại ao xử lý để lắng khoảng 7 ngày. Sau thời gian lắng nước ao xử lý còn một lượng chất hữu cơ hòa tan, chất dinh dưỡng sót lại sẽ được các loài rong, tảo hấp thụ và phát triển thành sinh khối. Tại ao xử lý sẽ kết hợp thả cá rô phi nhằm tiêu thụ các loại rong, tảo để phát triển và kết hợp sử dụng chế phẩm vi sinh liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất để xử lý nước thải (thời gian xử lý bằng vi sinh và cá rô phi khoảng 15 - 30 ngày). Quá trình này sẽ xử lý toàn bộ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng có trong nước thải để chất lượng nước thải ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) thoát vào kênh Xà Mách và Sông Mỹ Thanh.



**Bảng 3.1. Kết quả phân tích nước thải đầu ra của cơ sở**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị $C_{max}$ (cột B, $K_q = 0,9$ , $K_f = 1,0$ )
			VT1	VT2	VT3	VT4	
1	pH	-	7,10	7,15	7,20	7,10	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	5,48	4,66	9,67	8,31	45
3	COD	mg/L	30,3	25,5	85,0	80,3	135
4	TSS	mg/L	40,7	23,2	33,8	49,0	90
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	0,048	0,042	0,939	0,934	9
6	Tổng Nitơ	mg/L	1,09	1,23	2,16	2,44	36
7	Tổng Photpho	mg/L	0,161	0,119	0,182	0,194	5,4
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	9
9	Clo dư	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	1,8
10	Coliform	MPN/100 ML	2,4 x 10 <sup>2</sup>	2,3 x 10 <sup>1</sup>	7,0 x 10 <sup>1</sup>	4,9 x 10 <sup>1</sup>	5000

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc TN&MT Sóc Trăng, 2024)

Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý cho thấy nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị  $C_{max}$  (Cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,0$ ) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

### 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

#### 3.2.1. Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, phương tiện giao thông

- Khí thải từ phương tiện vận chuyển, khí thải từ phương tiện giao thông:

Quy định chế độ vận hành của phương tiện vận chuyển thức ăn, hóa chất hợp lý. Xe khi vào đến khu vực dự án phải chạy chậm với tốc độ cho phép.

Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng, không chở quá tải. Sử dụng xe chuyên dụng; kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất. Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại dự án cùng thời điểm.



Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện. Sử dụng dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu ô nhiễm;

Trồng một số loại cây xanh phù hợp với loại đất của dự án để làm giảm hàm lượng bụi trong không khí, vừa tạo môi trường trong lành, thoáng mát vừa góp phần làm tăng hiệu quả làm việc.

**- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng**

+ Bố trí khu vực đặt máy phát điện dự phòng cách xa khu vực nhà ở công nhân, chòi canh;

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện. Sử dụng dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu ô nhiễm.

**3.2.2. Mùi hôi từ quá trình nạo vét, thu gom, xử lý bùn đáy ao, từ khu vực bãi chứa rác thải sinh hoạt:**

- Bùn đáy ao được phơi khô để tránh gây mùi hôi.

- Rác thải sinh hoạt chứa trong thùng nhựa có nắp đậy, sau đó phân loại và đem chôn ở hố chôn lấp rác tại khu vực cơ sở. Khi địa phương có đơn vị thu gom rác, chủ dự án sẽ hợp đồng thuê đơn vị thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Quá trình thu gom phế phẩm, xác tôm chết sẽ gây ra mùi hôi tuy nhiên mức ảnh hưởng là không đáng kể và chỉ mang tính tức thời. Chủ cơ sở tiến hành thu hồi về Công ty TNHH Khánh Sùng.

**3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

**\* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

- **Nguồn phát sinh:** Tổng số lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở là 40 người. Theo QCVN 01:2019/BXD thì lượng rác thải sinh hoạt mỗi người ở khu vực nông thôn thải ra là 0,8 kg/người/ngày. Do vậy khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án là 32 kg/ngày, , với thành phần phần gồm bọc nilong, thực phẩm thừa, chai nhựa,...

- **Biện pháp xử lý:** Với số lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bao gồm các loại thực phẩm dư thừa, giấy, bao bì... được trang bị 04 thùng chứa rác thể tích 220 lít có nắp đậy để thu gom. Sau đó, rác thải được đưa về khu chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 3,75 m<sup>2</sup>. Tại đây, rác thải được phân loại.

+ Chất thải có khả năng tái chế (bọc, túi, ..): phân loại riêng, bỏ vào bao, lưu chứa riêng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom.



+ Chất thải không có khả năng tái chế (thức ăn thừa, trái cây hỏng, ...): phân loại riêng và được chôn tại hố chôn lấp rác có lót bạt chống thấm. Kích thước hố chôn là 5m x 5m x 2m, có tổng thể tích là 50 m<sup>3</sup>. Khi địa phương có đơn vị thu gom rác sinh hoạt, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom về bãi rác tập trung và xử lý theo đúng quy định. Trường hợp hố chôn đầy mà chưa có đơn vị thu gom, chủ dự án sẽ thiết kế hố chôn khác đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và thông báo trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

**\* Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- **Nguồn phát sinh:** Trong quá trình nuôi tôm tại cơ sở, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu là bùn đáy ao, bao bì đựng tôm giống và thức ăn, bao vôi, trang thiết bị đã qua sử dụng bị hư hỏng,...

**- Biện pháp xử lý:**

**\* Đối với bùn đáy ao:**

Theo số liệu giám sát lượng bùn thải phát sinh thực tế trong thời gian qua tại các khu nuôi tôm của chủ cơ sở cho thấy lớp bùn đáy ao sau mỗi vụ nuôi dày từ 0,1 - 0,12 m ở 30% diện tích đáy ao nuôi (khu vực trung tâm ao). Lượng bùn phát sinh ước tính: 2.004 – 2.404,8 m<sup>3</sup>/vụ tương đương khoảng 4.008 – 4.809,6 m<sup>3</sup>/năm.

Tại cơ sở, do thường xuyên được xi phông đáy để thoát chất bẩn và thu lượng vỏ tôm, xác tôm chết sinh học nên lượng bùn này được thoát ra ao xử lý nước thải cũng như ao xử lý nước tuần hoàn trong suốt thời gian vụ nuôi. Vì vậy, lượng bùn đáy ao còn lại tại ao nuôi không nhiều. Cuối vụ nuôi, các ao xử lý nước thải, ao xử lý nước tuần hoàn sẽ được nạo vét và sử dụng bơm bùn để bơm lượng bùn này về 03 ao chứa bùn. Bùn đáy ao sau khi được gom về ao chứa bùn, phơi khô tự nhiên và lấy mẫu phân tích định kỳ chất lượng đối với ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp sau phân tích mẫu, nếu kết quả phân tích cho thấy bùn thải thuộc chất thải nguy hại thì sẽ được quản lý, xử lý theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nếu bùn thải không thuộc chất thải nguy hại thì cơ sở thực hiện gia cố bờ ao.

Cơ sở bố trí 03 ao chứa bùn với thể tích 22.000 m<sup>3</sup> đảm bảo để lưu chứa lượng bùn phát sinh hàng năm từ 4008 – 4.809,6 m<sup>3</sup>. Như vậy, ao chứa bùn đảm bảo việc lưu chứa hiệu quả khối lượng bùn phát sinh và không ảnh hưởng đến nguồn nước mặt và quá trình nuôi tôm của các công ty, hộ dân xung quanh.

**\* Đối với chất thải rắn công nghiệp khác:**

- **Nguồn phát sinh:** gồm bao bì đựng tôm giống và thức ăn, bao vôi, bao bì đựng hóa chất, trang thiết bị đã qua sử dụng hư hỏng: quạt oxy, bạt nhựa, ... Lượng rác thải phát sinh trong một mùa vụ tại các ao bao gồm các loại sau:



+ Bọc đựng tôm giống:  $2 \text{ kg/ao/vụ} \times 37 \text{ ao} \times 2 \text{ vụ/năm} = 148 \text{ kg/năm}$

+ Bao đựng thức ăn:  $15 \text{ kg/ao/vụ} \times 37 \text{ ao} \times 2 \text{ vụ/năm} = 1.110 \text{ kg/năm}$ .

+ Bao đựng vôi:  $3 \text{ kg/ao/vụ} \times 84 \text{ ao} \times 2 \text{ vụ/năm} = 222 \text{ kg/năm}$ .

+ Ngoài ra còn có các loại rác thải khác như: thùng, chai nhựa, men vi sinh, cánh quạt, phụ tùng máy móc hư hỏng khoảng  $5 \text{ kg/ao/vụ}$ .

$5 \text{ kg/ao/vụ} \times 37 \text{ ao} \times 2 \text{ vụ/năm} = 370 \text{ kg/năm}$ .

- Tổng lượng chất thải rắn công nghiệp khác phát sinh khoảng  $1850 \text{ kg/năm}$ .

Ngoài ra còn có một khối lượng xác tôm chết trong quá trình nuôi: Khoảng  $1 - 10 \text{ kg/ngày đêm}$  (tham khảo từ tình hình nuôi thực tế tại Trang trại Nuôi trồng thủy sản A Sùng).

- Bạt HPDE: phát sinh bình quân  $213 \text{ tấn/7 năm}$  (tuổi thọ sử dụng của bạt là 07 năm nên 07 năm công ty mới thay một lần).

**- Biện pháp xử lý:**

+ Phế phẩm, xác tôm chết trong quá trình nuôi cơ sở thu mua sẽ thu hồi về Công ty TNHH Khánh Sùng.

+ Đối với bạt HDPE sử dụng tại dự án khoảng 7 năm sẽ thay, đối với bạt cũ giai đoạn đầu được tận dụng lót đường, đổ bê tông tại cơ sở. Khi không còn nhu cầu sử dụng, tận dụng bạt sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Bao bì đựng tôm, thức ăn, công cụ sử dụng trong nuôi, thu hoạch tôm sẽ được thu gom. Tuy nhiên, khối lượng phát sinh chất thải rắn này là rất lớn nên chất thải được lưu giữ tại cơ sở, diện tích kho lưu chứa khoảng  $168 \text{ m}^2$ . Cơ sở sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Trường hợp phát sinh dịch bệnh, công tác xử lý chất thải rắn sẽ được thực hiện theo đúng quy định của ngành thủy sản.

### **3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

- **Nguồn phát sinh:** Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở chủ yếu là dầu, nhớt thải; Giẻ lau dính dầu nhớt thải; Bóng đèn huỳnh quang và thủy tinh hoạt tính thải; Pin thải; Vỏ thuốc (bao bì mềm thải). Khối lượng phát sinh khoảng  $55 \text{ kg/năm}$ .

Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom, lưu chứa riêng biệt vào khu vực chứa chất thải nguy hại, diện tích  $3,75 \text{ m}^2$ . Xây tường, sàn lót gạch, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, dán nhãn cảnh báo, với từng loại CTNH được lưu giữ. Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Một Thành



Viên Môi trường Đô Thị TPHCM thu gom, quản lý và xử lý đúng theo quy định.  
Tần suất thu gom: 01 lần/năm.

**Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

STT	Các loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng (năm)
1	Dầu nhớt thải	17 02 02	kg	20
2	Giẻ lau dính dầu, nhớt thải	18 02 01	kg	5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	kg	9
4	Pin thải	16 01 12	kg	1
5	Vỏ thuốc (bao bì mềm thải)	14 01 05	kg	20
<b>Tổng</b>			<b>kg</b>	<b>55</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng, 2024)

- **Biện pháp xử lý:** Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom, lưu chứa riêng biệt vào khu vực chứa chất thải nguy hại, diện tích 3,75 m<sup>2</sup>. Xây tường, sàn lót gạch, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, dán nhãn cảnh báo, với từng loại CTNH được lưu giữ. Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Một Thành Viên Môi trường Đô Thị TPHCM thu gom, quản lý và xử lý đúng theo quy định. Tần suất thu gom: 01 lần/năm.

### 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- **Nguồn phát sinh:** Các nguồn gây ồn điển hình nhất trong hoạt động của dự án là: Các phương tiện lưu thông tại cơ sở (xe công nhân viên, xe chở hàng hoá vào kho,...); tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, máy bơm nước,...

#### - **Biện pháp xử lý:**

Có chế độ bảo trì định kỳ như: bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng của xe nâng đảm bảo an toàn cho công nhân trong quá trình làm việc và hạn chế tiếng ồn phát sinh.

Chỉ sử dụng còi xe trong khu vực cơ sở khi cần thiết.

Nhắc nhở công nhân giữ gìn trật tự để hạn chế tiếng ồn phát sinh.

Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở. Cây xanh có khả năng hấp thụ ồn một cách đáng kể, lọc các chất độc hại,...

Bố trí máy phát điện dự phòng, máy bơm nước cách xa nơi làm việc của công nhân và xây tường cách âm khu vực đặt máy.



Máy phát điện phải được đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt các đệm cao su hoặc lò xo chống rung và kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt.

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **a. Sự cố dịch bệnh**

- Khi ao nuôi xảy ra hiện tượng bệnh, kỹ thuật viên tiến hành lấy mẫu tôm kiểm tra để có thể phát hiện tình trạng sức khỏe tôm sớm nhất, từ đó đưa ra phương pháp xử lý theo quy định. Trường hợp phát sinh dịch bệnh, công tác xử lý chất thải rắn sẽ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/05/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, cụ thể như sau:

+ Trường hợp tôm đạt kích cỡ thương phẩm ( $\geq 2$  gram): Thu hoạch tôm và bảo quản bằng nước đá lạnh tỷ lệ 2 đá : 1 tôm theo quy định của Công ty. Khi thu hoạch tôm cần chú ý an toàn sinh học, tránh không để nước rơi vãi qua các hệ thống ao nuôi khác. Dụng cụ thu hoạch được tách riêng, khử trùng bằng chlorine sau khi thu hoạch xong. Rải vôi và tạt chlorine xung quanh ao bị bệnh, khu vực thu hoạch và đường vận chuyển. Công nhân thu hoạch không được đi qua khu vực khác, sau khi thu hoạch xong phải tắm rửa sạch sẽ. Quy định tối đa 10 người thu hoạch. Tôm sau khi thu hoạch bán cho các cơ sở thu mua để làm thức ăn chăn nuôi gia súc theo quy định.

+ Nếu tôm không đạt size có thể thu hoạch ( $< 2$  gram) thì tiến hành giết cưỡng bức tôm. Gây mê giết tôm bằng Aqui-S quá liều với liều lượng: 30 ml/1000 lít nước. Sau 12h, kỹ thuật viên tiến hành lấy mẫu kiểm tra tôm. Nếu tôm đã bị gây mê chết hoàn toàn thì ta tiến hành bước tiếp theo, nếu tôm chưa đạt yêu cầu bị gây mê hoàn toàn, tiếp tục xử lý thêm thời gian và lấy mẫu kiểm tra sau mỗi 1h cho đến khi đạt. Sau khi tôm đã bị gây mê chết hoàn toàn ta tiến hành xử lý tiêu hủy tôm chết bằng chlorine với liều lượng 35ppm để diệt mầm bệnh trong ao. Nước xử lý chlorine phải được giữ trong ao ít nhất 2 tuần để có thể giải phóng hết dư lượng chlorin, tiến hành lấy mẫu kiểm tra, nếu đạt các chỉ tiêu nước thải thì tiến hành xử lý theo quy trình xử lý nước thải của công ty. Khi tiến hành giết cưỡng bức tôm phải đảm bảo được an sinh tôm và an ninh sinh học tại trang trại nuôi.

#### **a1. Phòng ngừa dịch bệnh**

Thường xuyên kiểm tra sức khỏe của tôm. Không thải nước nhiễm bệnh ra các kênh dùng chung cho tất cả các ao hoặc kênh dùng chung với ao khác.

Định kỳ dừng chu kỳ nuôi tôm (bỏ đất trống) để ngăn ngừa không cho mầm bệnh tích tụ. Sử dụng con giống hoặc giống bố mẹ đã được chứng nhận là khỏe mạnh.

Đảm bảo tôm giống đạt chất lượng tốt. Thực hiện các chiến lược quản lý để tránh lây bệnh tôm ra ngoài phạm vi khu vực cơ sở.



## **a2. Ứng phó sự cố tôm chết hàng loạt**

Chọn con giống có nguồn gốc uy tín, đã qua kiểm dịch. Nước lấy vào ao ít nhất phải được một tuần mới tiến hành xử lý.

Tiến hành xử lý nước thải ao nuôi bị dịch bệnh (tương tự phương pháp xử lý nước thải nuôi tôm khi có sự cố dịch bệnh).

### **b. Sự cố cháy nổ**

Để phòng chống cháy nổ tại cơ sở, chủ cơ sở sẽ áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, huấn luyện, tuyên truyền giáo dục và pháp chế. Về các biện pháp kỹ thuật, sẽ thực hiện các biện pháp:

Nghiêm cấm công nhân mang các thành phần dễ phát sinh cháy nổ vào khu vực cơ sở. Tập huấn cho công nhân để giúp họ nâng cao ý thức, sự hiểu biết về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.

Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy tại cơ sở.

Thường xuyên theo dõi tình trạng làm việc của máy móc thiết bị và hệ thống điện, kịp thời sửa chữa hư hỏng đảm bảo cho việc phòng chống cháy nổ. Các đường dây điện được thiết kế an toàn, chống chập gây cháy, kiểm tra định kỳ các đường dây điện, các đầu mối nối.

Tuyên truyền rộng rãi ý thức phòng chống các sự cố môi trường, đặc biệt là vấn đề cháy nổ.

Trường hợp cháy nghiêm trọng cần có sự hỗ trợ, giúp đỡ của lực lượng phòng cháy chữa cháy địa phương.

Thực hiện đúng các quy định của luật phòng cháy chữa cháy và các quy định về phòng cháy chữa cháy của tỉnh Sóc Trăng.

### **c. Giảm thiểu sự cố chập điện**

Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

Hệ thống đường dây tải điện trong khu vực cơ sở được bảo vệ an toàn. Thiết kế theo đúng quy định, kiểm tra định kỳ hệ thống lưới điện. Đồng thời, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị điện, tuyên truyền sử dụng điện an toàn, tiết kiệm điện.

Xây dựng hệ thống chống sét để phòng tránh tia lửa điện ảnh hưởng đến thiết bị điện, hệ thống lưới điện tại cơ sở.

Không trồng các cây đại thụ gần đường dây điện nhằm tránh hiện tượng cây ngã gây thiệt hại về người và tài sản, hư hỏng đường dây điện.

Trang bị cầu dao tự động để tự động ngắt điện khi có sự cố xảy ra.

### **d. Giảm thiểu tai nạn giao thông và tai nạn lao động**

Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

**Giảm thiểu tai nạn giao thông:** Chủ cơ sở sẽ lắp đặt biển báo, gờ giảm



tốc độ,... để phòng tránh tai nạn giao thông. Các phương tiện vận chuyển thức ăn, hóa chất trong quá trình nuôi tôm không vận chuyển quá tải và tuân thủ triệt để các quy định về đảm bảo trật tự và an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển. Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên lái xe điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông.

**Giảm thiểu tai nạn lao động:** Xây dựng nội quy và quy trình làm việc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho nhân viên khi làm việc tại những khâu đòi hỏi độ an toàn cao. Thường xuyên bảo trì các thiết bị, máy móc nhằm hạn chế tai nạn lao động do sự cố hư hỏng của thiết bị, máy móc. Các trang thiết bị bảo hộ lao động như: kính phòng hộ mắt, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ, quần áo bảo hộ lao động,... Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho công nhân theo quy định.

### **3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)**

Ngoài các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trên dự án không thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác.



## CHƯƠNG IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
  - + Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sản xuất;
  - + Nguồn số 02: Nước thải từ sinh hoạt;
  - + Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị;
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 3.557,1 m<sup>3</sup>/ngày, trong đó:
  - + Lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 3,98 m<sup>3</sup>/ngày
  - + Lưu lượng nước thải từ xi phong đáy ao với số lượng 37: khoảng 801,6 m<sup>3</sup>/ngày
  - + Lưu lượng nước thải từ quá trình thu hoạch: khoảng 2.750 m<sup>3</sup>/ngày.
  - + Lưu lượng từ hoạt động vệ sinh thiết bị: 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.
- Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý được thải thông qua đường ống PVC có đường kính 200 mm thoát vào nguồn tiếp nhận là Kênh Xà Mách và Sông Mỹ Thanh.

**Bảng 4.1. Giới hạn tối đa cho phép về các thông số trong nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C (cột B, K <sub>q</sub> = 0,9; K <sub>r</sub> = 1,0)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	45
3	COD	mg/l	135
4	TSS	mg/l	90
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9
6	Tổng Nitơ	mg/l	36
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	5,4
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9
9	Clo dư	mg/l	1,8
19	Coliform	MPN/100 ML	5000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:



+ Vị trí: Tại Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

+ Tọa độ: Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$  múi chiều  $6^{\circ}$ ):

+ Vị trí 1:  $X1 = 1042989$ ;  $Y1 = 566231$

+ Vị trí 2:  $X2 = 1043148$ ;  $Y2 = 566350$

+ Vị trí 3:  $X3 = 1043520$ ;  $Y3 = 566763$

+ Vị trí 4:  $X4 = 1043253$ ;  $Y4 = 566987$

Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được thải thông qua đường ống PVC có đường kính 200 mm thoát vào nguồn tiếp nhận là Kênh Xà Mách và Sông Mỹ Thanh (thông qua việc mở van xả). Trong trường hợp nước thải không đạt thì tiếp tục xử lý và thực hiện phân tích mẫu nước thải, đảm bảo các thông số đạt quy chuẩn cam kết mới thực hiện xả nước thải ra môi trường.

#### 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ các phương tiện lưu thông tại dự án (xe công nhân viên, xe chở hàng hoá vào kho,...); tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, máy bơm nước,...

- Vị trí: Khu vực cơ sở.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn  
(theo mức âm tương đương), dBA**

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.



**Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ**

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60



## CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Trong quá trình hoạt động, cơ sở đã phối hợp với đơn vị Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng để thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải, kết quả phân tích chất lượng nước thải được tổng hợp tại bảng sau:

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị $C_{max}$ (cột B, $K_q = 0,9$ , $K_f = 1,0$ )
			VT1	VT2	VT3	VT4	
1	pH	-	7,15	6,95	6,90	7,25	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	1,29	1,70	1,57	1,69	45
3	COD	mg/L	8,34	13,9	9,14	3,58	135
4	TSS	mg/L	13,5	12,1	6,72	2,25	90
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	3,86	3,65	3,35	1,04	9
6	Tổng Nitơ	mg/L	8,99	8,29	7,87	3,31	36
7	Tổng Photpho	mg/L	0,017	0,024	0,042	0,015	5,4
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	9
9	Clo dư	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	1,8
10	Coliform	MPN/100 ML	2,3 x 10 <sup>1</sup>	<2	9,0 x 10 <sup>0</sup>	5,0 x 10 <sup>0</sup>	5000

(Nguồn: Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Kết quả quan trắc định kỳ tại bảng trên cho thấy nồng độ các thông số ô nhiễm của nước thải sau xử lý so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị  $C_{max}$  (cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,0$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp thì các thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn. Qua quá trình so sánh kết quả quan trắc môi trường định kỳ cho thấy hệ thống xử lý nước thải đang hoạt động tương đối tốt giảm thiểu được các tác động xấu đến nguồn tiếp nhận.



## **5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải**

Cơ sở kinh doanh loại hình Nuôi tôm công nghệ cao không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ được quy định tại phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ. Do đó, cơ sở không thực hiện quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải.



## CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

### 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Theo Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ, công trình xử lý chất thải của cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

### 6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

#### 6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

##### ➤ Nước thải

- Vị trí quan trắc: 04 vị trí tại điểm cuối hệ thống thải (đính kèm sơ đồ vị trí quan trắc).

- Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30' múi chiều 6<sup>0</sup>):

+ Vị trí 1: X1 = 1042989; Y1 = 566231

+ Vị trí 2: X2 = 1043148; Y2 = 566350

+ Vị trí 3: X3 = 1043520; Y3 = 566763

+ Vị trí 4: X4 = 1043253; Y4 = 566987

- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), tổng N, tổng P, Amoni (theo Nitơ), Clo dư, tổng Coliform.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>r</sub> = 1,0)  
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

##### ➤ Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp được quy định tại phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ.

#### 6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục được quy định tại phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ.



### 6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chủ cơ sở bố trí kinh phí để thực hiện công tác giám sát chất lượng môi trường, kinh phí giám sát tính theo quy định hiện hành. Với tổng kinh phí dự kiến là 48.247.872 đồng. Tham khảo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 27/03/2018 do UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định hoạt động quan trắc và phân tích môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung, nước mặt, nước dưới đất, nước mưa, nước biển, nước thải và trầm tích trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Kinh phí giám sát môi trường dự kiến như sau:

**Bảng 6.1. Tổng kinh phí giám sát môi trường dự kiến**

STT	Thông số	Số mẫu giám sát	Tần số giám sát (lần/năm)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng chi phí
1	pH	4	4	71.705	1.147.280	<b>48.247.872</b>
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	4	4	259.100	4.145.600	
3	COD	4	4	216.153	3.458.448	
4	TSS	4	4	304.773	4.876.368	
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	4	4	210.935	3.374.960	
6	Tổng N	4	4	339.121	5.425.936	
7	Tổng P	4	4	328.453	5.255.248	
8	Tổng dầu mỡ khoáng	4	4	514.416	8.230.656	
9	Clo dư	4	4	368.139	5.890.224	
10	Tổng Coliforms	4	4	402.697	6.443.152	



**CHƯƠNG VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở tuân thủ thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường. Trong 02 năm (2022 – 2023), chủ cơ sở không có đoàn kiểm tra và thanh tra về môi trường.



## **CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng cam kết thực hiện những nội dung sau để hoạt động của Công ty được hiệu quả và hạn chế những tác động xấu đến môi trường:

- Đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình hoạt động;
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm để có kế hoạch xử lý kịp thời các sự cố xảy ra;
- Thực hiện đầy đủ, hoàn thiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;
- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy trình về pháp luật bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành về xử lý chất thải phát sinh trong sản xuất;
- Đề bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình hoạt động của Công ty.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2200560059**

*Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 02 năm 2011*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 10 tháng 01 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC THUẬN HÙNG**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, ấp Giồng Chát, Xã Liêu Tú, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam*

Điện thoại: 0299 6505599

Fax: 0299 3892599

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VĂN TUẤN	Việt Nam	Số 67 Quốc lộ 1A, Ấp Tâm Phước, Xã Đại Tâm, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	39.600.000.000	99,000	094067003 872	



2	LƯƠNG ANH NGOAN	Việt Nam	Khóm 5, Phường 1, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	400.000.000	1,000	096082012 865	
---	--------------------	----------	--	-------------	-------	------------------	--

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/10/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *094090021110*

Ngày cấp: *05/08/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *171 Phú Lợi, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *171 Phú Lợi, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam* <sup>vv</sup>

**TRƯỞNG PHÒNG**



*Lương Hồng Đào*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

Số: **59121000094**

*Chứng nhận lần đầu, ngày 21 tháng 3 năm 2011*

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 47/2006/QĐ-UBND, ngày 22/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Sùng Lý nộp ngày 08/3/2011,

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**Chứng nhận: CÔNG TY TNHH SÙNG LÝ**

Trụ sở: Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2200560059 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/02/2011.

Đại diện bởi ông: Trần Văn Hùng.

Chức danh: Giám đốc.

Sinh năm: 1971

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 365014787

Ngày cấp: 09/9/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Sóc Trăng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện tại: Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.



**Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:**

**Điều 1.** Tên dự án đầu tư: Nuôi trồng, mua bán thủy sản.

**Điều 2.** Mục tiêu và quy mô dự án: Cung cấp nguồn tôm nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu trong và ngoài tỉnh. Tổng diện tích nuôi trồng là 192.000 m<sup>2</sup>, trong đó gồm 36 ao nuôi; doanh thu mua bán thủy sản 50 tỷ đồng/năm.

**Điều 3.** Địa điểm thực hiện dự án: Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Diện tích đất sử dụng: 300.000 m<sup>2</sup>.

**Điều 4.** Tổng vốn đầu tư: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

**Điều 5.** Tiến độ thực hiện dự án:

- Thời gian khởi công: Tháng 3/2011.

- Thời gian hoạt động: Tháng 6/2011.

**Điều 6.** Thời hạn thực hiện dự án: 49 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

**Điều 7.** Các ưu đãi đối với dự án:

- Hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% (mười phần trăm) được áp dụng trong 15 (mười lăm) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp cho 09 (chín) năm tiếp theo.

**Điều 8.** Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 bản cấp cho Công ty TNHH Sùng Lý và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Thành Nghiệp*



**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước mặt, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng ngày 04 tháng 02 năm 2020 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 417/STNMT-NKS ngày 02 tháng 3 năm 2020),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng, địa chỉ ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng được khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình: Trạm bơm nước phục vụ nuôi tôm công nghiệp của Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng.
2. Mục đích khai thác, sử dụng: Phục vụ nuôi trồng thủy sản.
3. Nguồn khai thác, sử dụng: Sông Mỹ Thanh.
4. Vị trí công trình khai thác, sử dụng: Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Tọa độ vị trí điểm lấy nước (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ ):

- Trạm bơm 1: X = 1043149      Y = 566396.

- Trạm bơm 2: X = 1043137      Y = 566524.



5. Chế độ khai thác:

- Số giờ lấy nước trung bình trong ngày: 15 giờ/ngày đêm.
- Số ngày lấy nước trung bình theo mùa vụ: 30 ngày/vụ.
- Số ngày lấy nước trung bình theo năm: 60 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng:

- Lưu lượng khai thác lớn nhất:  $0,2m^3/s$ .
- Lưu lượng khai thác lớn nhất theo ngày:  $10.500m^3/ngày$  đêm.
- Lưu lượng khai thác lớn nhất theo mùa vụ:  $329.472m^3/vụ$ .
- Lưu lượng khai thác lớn nhất theo năm:  $658.944m^3/năm$ .

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Nước được lấy trực tiếp từ sông Mỹ Thanh (thông qua 02 trạm bơm vào hệ thống ao xử lý); nước sau khi xử lý sẽ chuyển vào các ao nuôi.

8. Thời hạn của giấy phép: 05 năm.

## **Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng**

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính; bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Lắp đặt thiết bị, bố trí nhân lực thực hiện quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước mặt theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- Đối với thông số lưu lượng khai thác: Thực hiện giám sát định kỳ, chế độ giám sát không quá 12 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát tối thiểu 01 ngày 01 lần trước 20 giờ hàng ngày.

- Đối với thông số chất lượng nước trong quá trình khai thác: Thực hiện giám sát định kỳ và cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích.

5. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo), tổng hợp báo cáo về hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt, các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 4 Điều này và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (nội dung của Báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước).

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.



**Điều 3.** Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; đồng thời, có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./:p

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng;
- Cục Quản lý TNN (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế;
- UBND huyện Trần Đề;
- Lưu: VT, KT. *tv*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**A-PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

**1. Thông tin về tổ chức/ cá nhân đăng ký:**

- 1.1. Tên tổ chức/cá nhân: Trần Văn Hùng.....  
1.2. Địa chỉ liên hệ: Ấp Công Chốt - xã Liêu Phú - huyện Trần Đề, tỉnh ST  
1.3. Số điện thoại liên hệ (nếu có):.....

**2. Thông tin về công trình khai thác:**

- 2.1. Vị trí công trình: Ấp Công Chốt - xã Liêu Phú - huyện Trần Đề - Tỉnh ST  
2.2. Tờ bản đồ số: 10..... Số thửa: ST.....  
2.3. Chiều sâu khai thác: 10,0..... (m);  
2.4. Lượng nước khai thác, sử dụng: 0,3..... ( $m^3$ / ngày đêm);  
2.5. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cho mục đích sinh hoạt.....

(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác).

Trần Đề, ngày 14 tháng 03 năm 2015  
**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



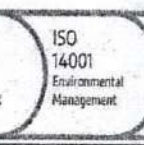
*Trần Văn Hùng*

**B-PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**  
(Xác nhận, ký, đóng dấu)



*Trần Văn Du*





# HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2107 /HD.MTĐT-NH/24.4.VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 220/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 30/06/2023;

Căn cứ Hợp đồng Cung cấp dịch vụ tư vấn khách hàng và cho thuê phương tiện thu gom vận chuyển chất thải nguy hại số: 2089/HD.MTĐT-AC/23.V ký ngày 30/06/2023 giữa Công Ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu;

Căn cứ Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Sóc Trăng cấp 24/08/2015 cho Công Ty TNHH Ngọc Thuận Hưng - mã số QLCTNH 94.000069.T.

Hôm nay, ngày 17 tháng 04 năm 2024, chúng tôi gồm:

**BÊN A : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC THUẬN HƯNG**

Địa chỉ : Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 , ấp Giồng Chát, Xã Liêu Tú, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Điện thoại : 0299 3893 599

Mã số thuế : 2200560059

Đại diện : NGUYỄN TUẤN ANH

Chức vụ: **Giám Đốc**

**BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM**

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM.

Điện thoại : 028. 3820 8666 – 028. 3820 6550

Fax: 028. 3820 2769

Mã số thuế : 0300438813

Tài khoản số : **310 1000000 5651** - Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Đại diện : Ông NGUYỄN TĂNG HẢI

Chức vụ: **Phó Giám Đốc**

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 07/GUQ-MTĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)

Đồng ý ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau :



## **ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ**

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây được viết tắt là "CTNH") cho Bên A.

### **1.1. Thời gian, địa điểm thu gom chất thải nguy hại:**

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm.
- Thời gian thu gom: Từ 17/04/2024 đến ngày 16/04/2025, Bên A phải báo trước 72 giờ cho Bên B để có kế hoạch tiếp nhận.
- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: Khu Nuôi Tôm Công Nghiệp 356.896m<sup>2</sup> - Ấp Giồng Chát, Xã Liêu Tú, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng

### **1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý:**

- Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại:  
Xe có biển kiểm soát sau: Xe Jinbei BKS 54Y-6663, Xe Forland BKS 54V-2345, Xe Thaco BKS 51C-577.98, Xe Thaco BKS 63C-01927, Xe Thaco BKS 51C-627.11, Xe Isuzu BKS 51C - 470.50, Xe Thaco BKS 51C-717.12, Xe Dongfeng BKS 51C-361.34, Xe Isuzu BKS 51C-723.47, Xe Veam BKS 51C-499.84.
- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý CTNH tại Đồng Thạnh.

### **1.3. Đơn vị liên kết thực hiện:**

- Công Ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu.
- Địa chỉ liên hệ: 404 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TPHCM.
- Người phụ trách: Ngọc Thúy - 0909 874 585 - ngocthuy@moitruongachau.vn  
Hoặc gọi đến số điện thoại 033 835 1122/ 0902 922 585/ 0906 941 585.

## **ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

### **2.1. Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Điều kiện lưu chứa
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Bóng đèn huỳnh quang và thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	Kg	36.000	Thùng carton
2	Dầu nhớt thải		X		17 02 02	Kg	12.000	Can nhựa
2	Giẻ lau dính dầu, nhớt thải	X			18 02 01	Kg	12.000	Bao PE
3	Pin thải	X			16 01 12	Kg	12.000	Bao PE

### **Ghi chú:**

- Giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT. (Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành).



- Danh mục chất thải trên cũng là danh mục chất thải Bên B vận chuyển và xử lý Bên A.
- Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.

## 2.2. Giá trị hợp đồng:

**Hợp đồng khoán: 10.116.000 VNĐ** (chưa bao gồm VAT).

**Bằng chữ: Mười triệu một trăm mười sáu ngàn Việt Nam đồng**

### Ghi chú:

- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao trong một năm (01 lần gom)  $\leq 100$  Kg (Trong đó, bóng đèn huỳnh quang thải  $\leq 05$  Kg; các chất khác  $\leq 95$  Kg) thì sẽ được vận chuyển và xử lý với giá khoán như trên.
- **Trường hợp phát sinh:** Nếu khối lượng chất thải bàn giao:  
Bóng đèn huỳnh quang thải  $> 05$  Kg; các chất khác  $> 95$  Kg thì chi phí xử lý chất thải phát sinh thêm được tính theo đơn giá cụ thể như đơn giá Mục 2.1 bằng công thức sau:  
$$\text{Chi phí xử lý chất thải phát sinh} = \text{Khối lượng CTNH (theo mã)} \times \text{đơn giá}$$
- **Chi phí vận chuyển phát sinh:** từ chuyến thứ 02 trở đi (nếu có): 6.120.000 VNĐ/chuyến (Sáu triệu một trăm hai mươi ngàn Việt Nam đồng trên một chuyến vận chuyển) (chưa bao gồm VAT).

## 2.3. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

- Bên A thanh toán 100% giá trị khoán của hợp đồng với số tiền là: **10.116.000 VNĐ (Mười triệu một trăm mười sáu ngàn Việt Nam đồng)** và thuế giá trị gia tăng VAT (Thuế VAT được áp dụng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp lý về thuế có hiệu lực hiện hành) trong vòng **20 ngày** kể từ ngày Bên A nhận được hợp đồng có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên và giấy Đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn tài chính sẽ được Bên B chuyển giao cho Bên A trong vòng **15-30 ngày** kể từ ngày Bên A thanh toán cho Bên B.
- Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao và làm cơ sở tính toán chi phí vận chuyển và xử lý phát sinh (nếu có).  
Chi phí xử lý phát sinh quy định ở Điều 2.2 sẽ được Bên A thanh toán trong vòng **07 ngày** kể từ ngày Bên A nhận được Giấy đề nghị thanh toán.

### **Phương thức thanh toán:**

- Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số :  
**310 1000000 5651 – Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.**
- Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau:  
**“Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số ...) Về việc ...”**
- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng.



### **ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM HAI BÊN**

#### **Bên A**

1. Phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, báo cáo, chứng từ quản lý CTNH và/ hoặc các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
2. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).
3. Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên B.
4. Thông báo trước cho Bên B trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí vận chuyển phát sinh (nếu có) do Bên A chịu.
5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của hợp đồng đã ký.
6. Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
7. Phải bàn giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
8. Bàn giao CTNH đúng thời hạn theo hợp đồng. Thời điểm cuối cùng Bên A chuyển giao CTNH phải trước **30 ngày** kể từ ngày hết hạn hợp đồng để hai Bên có đủ thời gian hoàn thiện giấy tờ pháp lý liên quan.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
10. Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo **Điều 2**.
11. Trong trường hợp có thay đổi thông tin xuất hoá đơn, Bên A phải thông báo cho Bên B trước **30 ngày**. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không có trách nhiệm xuất lại hoá đơn cho Bên A.

#### **Bên B**

1. Ký vào chứng từ CTNH, biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.
2. Phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
3. Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
4. Thu gom CTNH của Bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của Bên B.
5. Đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.



6. Trong trường hợp xe hư hỏng, sẽ sắp xếp (bổ trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
7. Nếu không tiếp nhận chất thải theo như trong hợp đồng mà không thông báo trước cho Bên A thì Bên B sẽ hoàn trả lại 100% chi phí bên B đã nhận của Bên A trước đó.
8. Từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
10. Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo **Điều 2**.

#### **ĐIỀU 4. GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH**

- 4.1. Đối với Bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho Bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyến để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở **Điều 1**.

(Báo trước 02 ngày về số Điện thoại: 1900 54 54 50 nội bộ : 2).

- 4.2. Đối với Bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho Bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của Bên A.

#### **ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 5.1. Hợp Đồng này có hiệu lực thực hiện dịch vụ từ ngày: **17/04/2024** đến ngày **16/04/2025**.
- 5.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:
  - 5.2.1. Nếu các Bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản.
  - 5.2.2. Nếu bất cứ vi phạm trách nhiệm theo **Điều 3** không được khắc phục trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục từ Bên không vi phạm.
  - 5.2.3. Bên A vi phạm điều khoản thanh toán theo **Điều 2**.
  - 5.2.4. Bên A vi phạm bàn giao CTNH cho Bên B theo **Điều 1**.
- 5.3. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng Bên không vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- 5.4. Bên B sẽ không hoàn trả số tiền Bên A thanh toán trước (nếu có) nếu Bên A vi phạm và hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.
- 5.5. Trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho Bên kia biết trước **01 (một) tháng** bằng văn bản thông báo.

#### **ĐIỀU 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 6.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các Bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- 6.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các Bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.



## **ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG**

- 7.1. Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các Bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.
- 7.2. Khi một Bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:
- Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ; và
  - Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng; và
  - Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho Bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

## **ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 8.1. Hai Bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Bất cứ sự thay đổi nào với Hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự đồng ý và ký kết giữa hai Bên và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 8.2. Hợp đồng có hiệu lực theo thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại **Điều 5** của hợp đồng này. Trường hợp hết thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại **Điều 5** hợp đồng này nhưng hai Bên chưa hoàn thành quyền và nghĩa vụ trong việc nghiệm thu thanh toán, **hiệu lực hợp đồng được tự động gia hạn** cho đến khi hai Bên hoàn thành nghiệm thu thanh toán Hợp đồng.
- 8.3. Hợp đồng này được tự động thanh lý sau khi hai Bên đã hoàn thành tất cả các quyền và nghĩa vụ Hợp đồng.
- 8.4. Hợp đồng này bao gồm 07 trang, được lập thành 07 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 05 bản.
- 8.5. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
CÔNG TY GIÀM ĐỐC  
TRÁCH NHIỆM  
MŨU HẠN  
NGỌC THUẬN HÙNG  
H. TRẦN Đ. 95 C. TRƯỜNG

NGUYỄN TUẤN ANH

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN  
MŨU HẠN ĐỀ THỊ  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
QUẬN

NGUYỄN TĂNG HẢI





TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 2020/24.09.083	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 03/10/2024
--------------------------------	---	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra – Vị trí 01  
(09h50' – Tọa độ X=1042989; Y=566231)  
-Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HƯNG  
-Địa chỉ/Address : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng  
-Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 23/09/2024  
-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 23/09/2024  
-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 :1995;  
TCVN 8880:2011  
-Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH	-	TCVN 6492:2011 <sup>(1)(2)</sup>	7,10
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(1)</sup> TCVN 6001-1:2021 <sup>(2)</sup>	5,48
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5220C:2023 <sup>(2)</sup>	30,3
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(1)(2)</sup>	40,7
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(1)(2)</sup>	0,048
6.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 <sup>(1)(2)</sup>	1,09
7.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(1)(2)</sup>	0,161
8.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B,B&F:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5520B&F:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CL.B:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 4500-CL.B:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 9221B:2023 <sup>(2)</sup>	2,4 x 10 <sup>2</sup>

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An



KẾT GIẢM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC





TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hùng Vương street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 2021/24.09.084	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 03/10/2024
--------------------------------	---	--------------------------------

**-Tên mẫu/Sample** : Nước thải đầu ra – Vị trí 02  
(09h55' – Tọa độ X=1043148; Y=566330)  
**-Khách hàng/Client** : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HƯNG  
**-Địa chỉ/Address** : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng  
**-Ngày nhận mẫu/Date of receiving** : 23/09/2024  
**-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution** : 23/09/2024  
**-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method** : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 :1995;  
TCVN 8880:2011  
**-Kết quả thử nghiệm/Test result** :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH		TCVN 6492:2011 <sup>(1)(2)</sup>	7,15
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(1)</sup> TCVN 6001-1:2021 <sup>(2)</sup>	4,66
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5220C:2023 <sup>(2)</sup>	25,5
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(1)(2)</sup>	23,2
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(1)(2)</sup>	0,042
6.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 <sup>(1)(2)</sup>	1,23
7.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(1)(2)</sup>	0,119
8.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B,B&F:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5520B&F:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CL.B:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 4500-CL.B:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 9221B:2023 <sup>(2)</sup>	2,3 x 10 <sup>1</sup>

**Ghi chú:**

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Lê Thúy An



GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC





TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

VIMCERTS  
179



Số/Mã số mẫu 2022/24.09.085	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 03/10/2024
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra – Vị trí 03  
(10h05' – Tọa độ X=1043520; Y=566763)
- Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HƯNG
- Địa chỉ/Address : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 23/09/2024
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 23/09/2024
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 :1995;  
TCVN 8880:2011
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH	-	TCVN 6492:2011 <sup>(1)(2)</sup>	7,20
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(1)</sup> TCVN 6001-1:2021 <sup>(2)</sup>	9,67
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5220C:2023 <sup>(2)</sup>	85,0
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(1)(2)</sup>	33,8
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(1)(2)</sup>	0,939
6.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 <sup>(1)(2)</sup>	2,16
7.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(1)(2)</sup>	0,182
8.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B,B&F:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5520B&F:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CL.B:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 4500-CL.B:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 9221B:2023 <sup>(2)</sup>	7,9 x 10 <sup>1</sup>

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đương Ngọc Thủy





TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 2023/24.09.086	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 03/10/2024
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra – Vị trí 04  
(10h10' – Tọa độ X=1043253; Y=566987)
- Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HƯNG
- Địa chỉ/Address : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 23/09/2024
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 23/09/2024
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 :1995;  
TCVN 8880:2011
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH	-	TCVN 6492:2011 <sup>(1)(2)</sup>	7,10
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(1)</sup> TCVN 6001-1:2021 <sup>(2)</sup>	8,31
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5220C:2023 <sup>(2)</sup>	80,3
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(1)(2)</sup>	49,0
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(1)(2)</sup>	0,934
6.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 <sup>(1)(2)</sup>	2,44
7.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(1)(2)</sup>	0,194
8.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B,B&F:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 5520B&F:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-CL.B:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 4500-CL.B:2023 <sup>(2)</sup>	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221:2017 <sup>(1)</sup> SMEWW 9221B:2023 <sup>(2)</sup>	4,9 x 10 <sup>1</sup>

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thủy An







TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 2222/23.09.135	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <i>TEST REPORT</i>	Ngày trả kết quả 29/09/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample** : Nước thải đầu ra - Sau xử lý 01  
(10h10' - Tọa độ X=566231; Y=1042989)
- Khách hàng/Client** : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HƯNG
- Địa chỉ/Address** : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving** : 12/09/2023
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution** : 12/09/2023
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method** : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 : 1995
- Kết quả thử nghiệm/Test result** :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,15
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,29
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	8,34
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	13,5
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,86
6.	Tổng Nito <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	8,99
7.	Tổng Photpho <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,017
8.	Tổng dầu mỡ <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	2,3 x 10 <sup>1</sup>

**Ghi chú:**

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Lê Thúy An

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**







TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P.6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

VIMCERTS  
179



Số/Mã số mẫu 2223/23.09.136	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 29/09/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra - Sau xử lý 02  
(10h15' - Tọa độ X=566330; Y=1043148)
- Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HUNG
- Địa chỉ/Address : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 12/09/2023
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 12/09/2023
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 : 1995
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,95
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,70
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13,9
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	12,1
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,65
6.	Tổng Nito <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	8,29
7.	Tổng Photpho <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,024
8.	Tổng dầu mỡ <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-CI.B:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	<2

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An







TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819



Số/Mã số mẫu 2224/23.09.137	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 29/09/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra - Sau xử lý 03  
(10h20' - Tọa độ X=566763; Y=1043520)
- Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HÙNG
- Địa chỉ/Address : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 12/09/2023
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 12/09/2023
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 : 1995
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,90
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,57
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	9,14
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	6,72
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,35
6.	Tổng Nito <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	7,87
7.	Tổng Photpho <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,042
8.	Tổng dầu mỡ <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	9,0 x 10 <sup>0</sup>

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép tìng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An



Dương Ngọc Châu





TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

VIMCERTS  
179



Số/Mã số mẫu 2225/23.09.138	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 29/09/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra - Sau xử lý 04  
(10h25' - Tọa độ X=566987; Y=1043253)  
-Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH NGỌC THUẬN HÙNG  
-Địa chỉ/Address : Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng  
-Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 12/09/2023  
-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 12/09/2023  
-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 : 1995  
-Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,25
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,69
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,58
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	2,25
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,04
6.	Tổng Nito <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	3,31
7.	Tổng Photpho <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,015
8.	Tổng dầu mỡ <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
9.	Clo dư <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
10.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	5,0 x 10 <sup>0</sup>

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An



Dương Ngọc Thùy



**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Thửa đất số: 140

Tờ bản đồ số: 10

Số phát hành GCN: BB 977199

Số vào sổ cấp GCN: CH00076

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thẻ chấp bằng OSD đất tại Ngân hàng No & PTNT tỉnh Sóc Trăng. Theo hợp đồng thẻ chấp số: 4154/HĐTC, ký kết ngày 13/11/2011. Số lun: 13/01.

Đã xóa nội dung đăng ký thẻ chấp ngày 16/12/2011. Theo hồ sơ số 00076XTC 922.

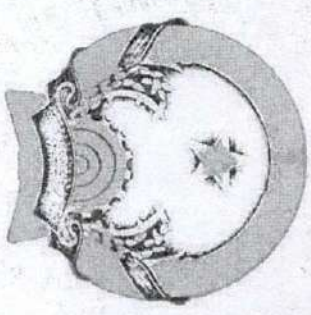
Thẻ chấp bằng OSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Theo hồ sơ số 000076.TC.1280.

Nội dung đã đăng ký thẻ chấp ngày 28/9/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thẻ chấp bằng OSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐỒNG BANG SÔNG SỬU LONG. Địa chỉ: số 53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 00076TC 14.

Multiple official stamps and signatures from various government departments and banks, including the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Land Management, Urban Planning and Construction, and the Commercial Bank of Vietnam branches in Cần Thơ and Đồng Bàng Sông Sủu Long.

Trang bổ sung số: ....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: KHUU YẾN THỊ

Năm sinh: 1978, CMND số: 365167131

Địa chỉ: số 6, Nguyễn Văn Cừ, phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

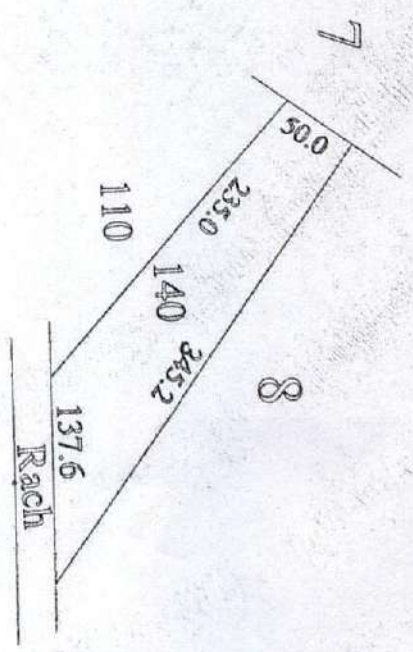
BB 977199



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:
  - a) Thửa đất số: 140, tờ bản đồ số: 10
  - b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
  - c) Diện tích: 19264 m<sup>2</sup>, bàng chủ: (Mười chín ngàn hai trăm sáu mươi bốn mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: ruộng 19264 m<sup>2</sup>, chung không m<sup>2</sup>
  - e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - f) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Đất 10/2013
- Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Trần Đề, ngày 11 tháng 11 năm 2010  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

KT. CHỦ TỊCH  
 PHÓ CHỦ TỊCH



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CH100076/BB 977199 có đính kèm trang bổ sung (01).                  Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.</p>	<p>Ngày 04 tháng 11 năm 2014</p> <p>Ngày 28 tháng 9 năm 2016</p> <p>Người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ số 6, Nguyễn Văn Tâm, P.1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thành ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.</p>



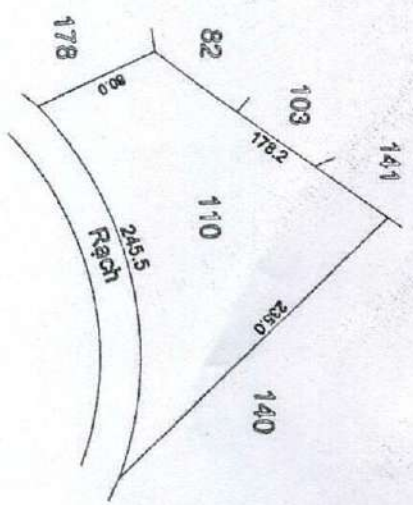




II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. **Thừa đất:**
  - a) Thừa đất số: 110, tờ bản đồ số: 10
  - b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
  - c) Diện tích: 24860 m<sup>2</sup>, bằng chữ: (Hai mươi bốn ngàn tám trăm mười mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: riêng 24860 m<sup>2</sup>, chung Không m<sup>2</sup>
  - e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - f) Thời hạn sử dụng: Đất 10/2013
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. **Nhà ở:** Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
3. **Công trình xây dựng khác:** Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
4. **Rừng sản xuất là rừng trồng:** Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
5. **Cây lâu năm:** Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
6. **Ghi chú:** Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Trần Đề, ngày 11 tháng 11 năm 2014  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ**

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Lim Van Bô*

Số vào sổ cấp GCN: CH00077

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00077/BB 977200 có đính kèm trang bổ sung(01).                  Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.</p>	<p>Ngày 04 tháng 11 năm 2014  <i>Lim Van Bô</i></p>
<p>Người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ số 6, Nguyễn Văn Năm, ngày 26 tháng 9 năm 2016 ở, P.1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thành ấp Tâm Phước, xã Đại Mỹ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.</p>	<p>Ngày 26 tháng 9 năm 2016  <i>Lim Van Bô</i></p>



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 151

Tờ bản đồ số: 10

Số phát hành GCN: B8977255

Số vào sổ cấp GCN: CH000064

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thế chấp bằng QSD đất NHNo & PTNT Tỉnh Sóc Trăng. Theo hợp đồng thế chấp số: 4154/HĐTC, được ký kết ngày: 13/12/2011. Số lưu: 13/01.

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Giám Đốc

Vân Phong

Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 16/12/2011. Theo hồ sơ số 00064XTC.922.

Ngày 21 tháng 8 năm 2016

Trần Đức Minh

Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Theo hồ sơ số 000064.TC.1280.

Ngày 28 tháng 9 năm 2016

Trần Đức Minh

Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐỒNG BÀNG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 00064TC.14.

Ngày 28 tháng 08 năm 2018

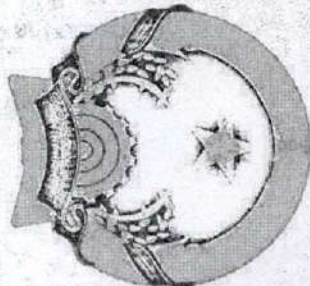
Trần Đức Minh

PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI VÀ PHÁP LÝ HUYỆN TRẦN ĐỨC MINH

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: KHUỖ YẾN THI

Năm sinh: 1978, CMND số: 365167131

Địa chỉ: số 6, Nguyễn Văn Cừ, phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

BB 977255







**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Thửa đất số: 8

Tờ bản đồ số: 10

Số phát hành GCN: B8977282

Số vào sổ cấp GCN: CH00065

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thế chấp bằng QSD đất NHNo & PTNT Tỉnh Sóc Trăng. Theo hợp đồng thế chấp số: 4152/HĐTC, được ký kết ngày 13/12/2011. Số lưu: 13/01.

Ngày 16 tháng 12 năm 2011  
Giám Đốc

Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 16/12/2011. Theo hồ sơ số 00065XTC 929.

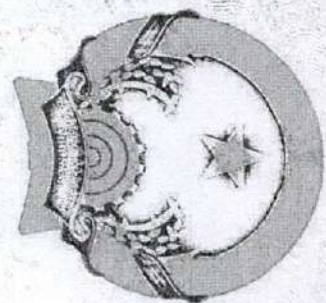
Ngày 22 tháng 8 năm 2016  
Giám Đốc

Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TP. CẦN PHONG VÀ PHẬT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TP. THỐ. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ. Theo hồ sơ số 000065.TC.1280.

Ngày 28 tháng 9 năm 2016  
Giám Đốc

Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐỒNG BÀNG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Vã Văn Tấn, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 00065TC 14.

Ngày 28 tháng 08 năm 2018  
Giám Đốc



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365156565

Địa chỉ: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

BB 977282

Trang bổ sung số: 01

Trang hồ sơ này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận men có giá trị pháp lý

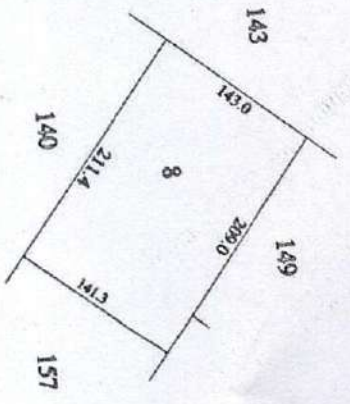


**II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thừa đất:**

- a) Thừa đất số: 8 , tờ bản đồ số: 10
  - b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
  - c) Diện tích: 30000 m<sup>2</sup>, bằng chữ: (Ba mươi ngàn mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: riêng 30000 m<sup>2</sup>, chung Không m<sup>2</sup>
  - e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - f) Thời hạn sử dụng: Đến 10/2013
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  6. Ghi chú: Không

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Trần Đề, ngày 08 tháng 11 năm 2010  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Sam Van Bô*

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00065/BB 977282 có đính kèm trang bỏ sung(01).                  Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.</p>	<p>Ngày 04 tháng 11 năm 2014</p> <p><i>Sam Van Bô</i></p>



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 149

Tờ bản đồ số: 10

Số phát hành GCN: BB977283

Số vào sổ cấp GCN: CH000066

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thế chấp bằng QSD đất NHNo & PTNT Tỉnh Sóc Trăng. Theo hợp đồng thế chấp số: 4152/HDTC, được ký kết ngày 13/12/2011. Số lư: 13/01.

Ngày 16 tháng 12 năm 2011  
Giám Đốc

Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 16/12/2011. Theo hồ sơ số 00066XTC 929.

Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ. Theo hồ sơ số 0000066.TC.1280.

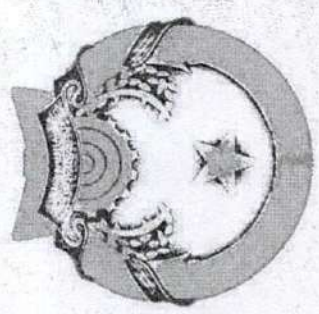
Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 00066TC 14.

Ngày 22 tháng 8 năm 2016  
Giám Đốc  
Ngày 08 năm 2018  
Giám Đốc

Trần Văn Minh

Trang bổ sung số: ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT  
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC Gắn liền với ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**  
Năm sinh: 1967, CMND số: 365156565  
Địa chỉ: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

BB 977283



II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. **Thửa đất:** 149, tờ bản đồ số: 10
  - a) Thửa đất số: 149, xã Liêm Chát, xã Liêm Trì, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
  - b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêm Trì, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
  - c) Diện tích: 17770 m<sup>2</sup>, bằng chữ: (Mười bảy ngàn bảy trăm bảy mươi mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: riêng 17770 m<sup>2</sup>, chung Không m<sup>2</sup>
  - e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - f) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - g) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - h) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - i) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - j) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - k) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - l) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - m) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - n) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - o) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - p) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - q) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - r) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - s) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - t) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - u) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - v) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - w) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - x) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - y) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - z) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Trần Đề, ngày 28 tháng 11 năm 2014  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

KT. CHỦ TỊCH  
 QUỠ CHỦ TỊCH

*(Chữ ký)*  
 Sam Van Bô

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Giấy chứng nhận QSDĐ số CH000066/BB 977283 có đính kèm trang hồ sơ (01), Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.	Ngày 01 tháng 11 năm 2014 <i>(Chữ ký)</i>



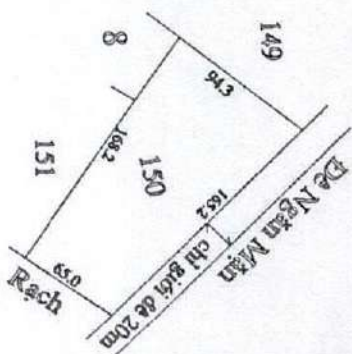




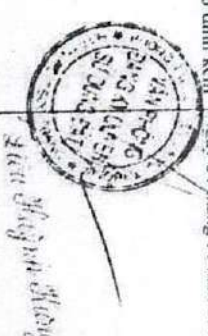
II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. **Thừa đất:**
- a) Thừa đất số: 150, tờ bản đồ số: 10
  - b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
  - c) Diện tích: 13412 m<sup>2</sup>, bằng chữ: (Mười ba ngàn bốn trăm mười hai mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: riêng 13412 m<sup>2</sup>, chung Không m<sup>2</sup>
  - e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - f) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản Đến 10/2013
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
- 2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  - 3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  - 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  - 5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
  - 6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CH000067/BB 977284 có đính kèm trang bổ sung(01). Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.</p>	<p>Này 04 tháng 11 năm 2014</p> 

Trần Đề, ngày 08 tháng 11 năm 2014

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**





**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Thửa đất số: 178 Tờ bản đồ số: 10

Số phát hành GCN: BC546862 Số vào sổ cấp GCN: CH00124

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thế chấp bằng QSD đất NHNo & PTNT Tỉnh Sóc Trăng. Theo hợp đồng thế chấp số: 4152/HĐTC, được ký kết ngày 13/12/2011. Số lưu: 13/01\*

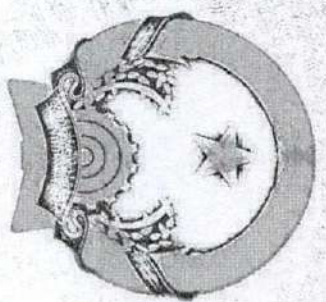
Ngày 16 tháng 12 năm 2011  
MАН PHUONH Giám Đốc  
SỞ ĐING ĐAT  
*Bùi Văn Minh*

Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 16/12/2011. Theo hồ sơ số 00124XTC.929. Ngày 22 tháng 8 năm 2016  
MАН PHUONH Giám Đốc  
SỞ ĐING ĐAT  
*Bùi Văn Minh*

Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TP. CẦN GIỜ. Theo Hợp đồng thế chấp số: 000124.TC.1280. Ngày 28 tháng 9 năm 2016  
MАН PHUONH Giám Đốc  
SỞ ĐING ĐAT  
*Bùi Văn Minh*

Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG BANG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 00124TC.14.  
MАН PHUONH Giám Đốc  
SỞ ĐING ĐAT  
*Bùi Văn Minh*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**  
Năm sinh: 1967. CMND số: 365156565  
Địa chỉ: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

BC 546862





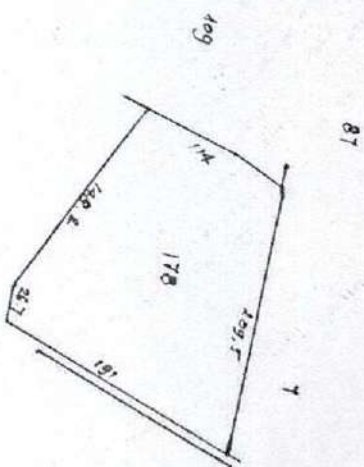
II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

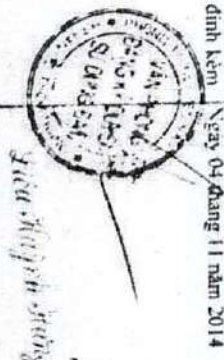
- a) Thửa đất số: 178, tờ bản đồ số: 10
  - b) Địa chỉ: ấp Giồng Chạt, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
  - c) Diện tích: 29097 m<sup>2</sup>, bàng chủ: (Hai mươi chín ngàn không trăm chín mươi bảy mét vuông)
  - d) Hình thức sử dụng: riêng 29097 m<sup>2</sup>, chung không m<sup>2</sup>
  - e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - f) Thời hạn sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Dền 10/2013
- Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

- 2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
- 3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
- 5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
- 6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Nhưng thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00124/BC 546862 có đính kèm trang bổ sung(01) Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.</p>	<p>Ngày 04 tháng 11 năm 2014</p> 

Trần Đề, ngày 08 tháng 01 năm 2011.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365156565

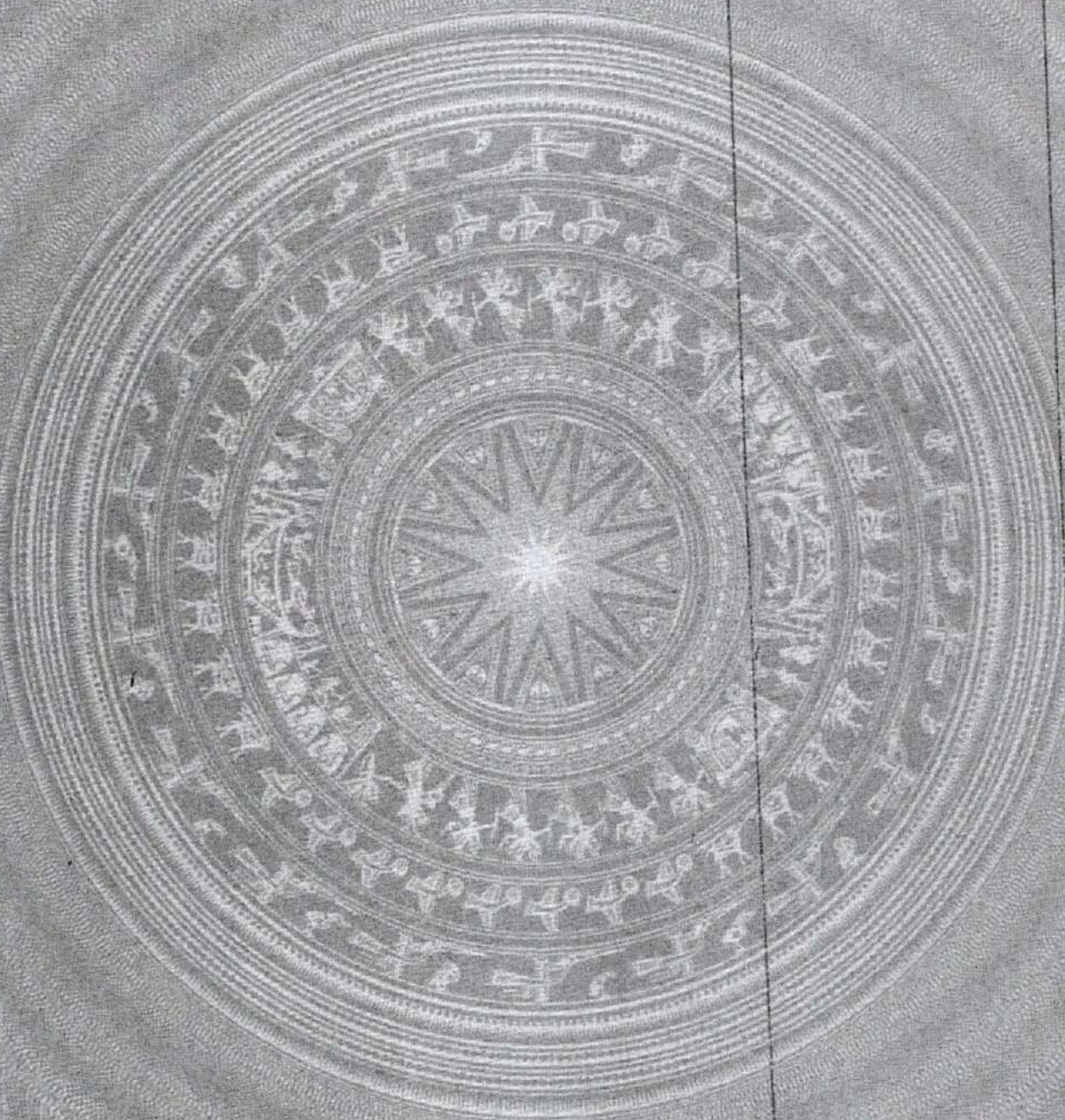
Địa chỉ: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

BC 546871



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

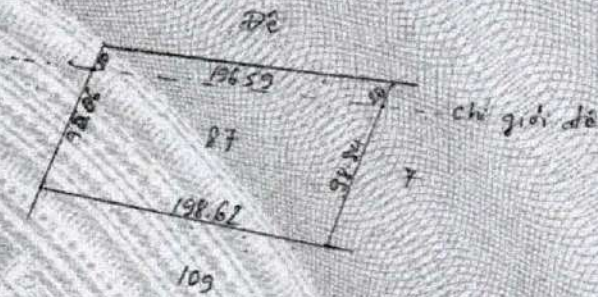


Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.





### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



### IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00125/BC 546871 có đính kèm  
trang bổ sung(01)  
Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.

Ngày 04 tháng 11 năm 2014



Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khru Yên Ly,  
Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06,  
đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc  
Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003392.CN.002.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021



PHÓ GIÁM ĐỐC

*Dương Văn Ngươn*



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 87, tờ bản đồ số: 10  
b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.  
c) Diện tích: 21635 m<sup>2</sup>, bằng chữ: (Hai mươi một ngàn sáu trăm ba mươi lăm mét vuông)  
d) Hình thức sử dụng: riêng 21635 m<sup>2</sup>, chung Không m<sup>2</sup>  
e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản  
g) Thời hạn sử dụng: Đến 10/2013  
Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

### 6. Ghi chú:

Thừa đất có diện tích 3930 m<sup>2</sup> nằm trong chỉ giới đê.

Trần Đề, ngày 28 tháng 01 năm 2011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH






Lâm Văn Bé

Số vào sổ cấp GCN: CH00125







Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p><b>23/4/2021</b>            Thẻ chấp bằng QSD đất tại <del>NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN</del>  <del>- HÀ NỘI(SHB) CHI NHÁNH SÓC TRĂNG</del>. Địa chỉ: Số 135-137 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An.            Theo hồ sơ số: 00125TC.613</p>	
<p><b>23/4/2021</b>            Thẻ chấp bằng QSD đất tại <del>NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN</del>  <del>- HÀ NỘI(SHB) CHI NHÁNH LONG AN</del>. Địa chỉ: Số 135-137 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An. Theo hồ sơ số: 00125TC.613.</p>	
<p><b>Ngày 03/8/2022</b>            Đã xóa nội dung đăng ký thẻ chấp ngày 23/4/2021. Theo hồ sơ số 00125.XC.008.</p>	
<p><b>Ngày 14/9/2022</b>            Thẻ chấp bằng QSD đất tại <del>NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG</del>. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số: 00125.TC.006.</p>	

(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365156565

Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

BC 546966



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1 6 7 5 1 1 0 0 0 0 5 2



## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 7, tờ bản đồ số: 10  
b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.  
c) Diện tích: 20929 m<sup>2</sup>. (bằng chữ: Hai mươi nghìn chín trăm hai mươi chín mét vuông)  
d) Hình thức sử dụng: riêng: 20929 m<sup>2</sup>; chung: không m<sup>2</sup>  
đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản  
e) Thời hạn sử dụng: Đến 10/2013  
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú: Không. *km*

Trần Đề, ngày 01 tháng 04 năm 2011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

KT. CHỦ TỊCH

P. CHỦ TỊCH

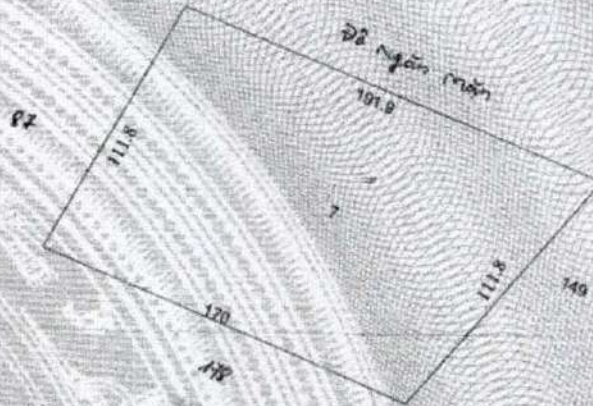


*Lâm Văn Bé*

Số vào sổ cấp GCN: CH00140 *km*



### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



### IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00140/BC 546966 có đính kèm trang bổ sung(01).  
Tiếp tục sử dụng đất NTTS đến 15/10/2063.

Ngày 04 tháng 11 năm 2014


Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khưu Yên Ly Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06, đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003401.CN.001.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021



Đặng Văn Ngươn



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Ngày 20/7/2022</p> <p>Thẻ chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG. Địa chỉ: Số 179 – 179A Trần Hưng Đạo, phường 3 thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số 03401.TC.007.</p>	<p style="text-align: right;"><b>GIÁM ĐỐC</b></p>  <p style="text-align: right;"><i>Đông Văn Ngươn</i></p>
<p>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</p>	



# TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 7

Tờ bản đồ số: 10

Số phát hành GCN: BC546966

Số vào sổ cấp GCN: CH00140

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thẻ chấp bằng QSD đất NHNo & PTNT Tỉnh Sóc Trăng. Theo hợp đồng thế chấp số: 4153/HĐTC, được ký kết ngày 13/12/2011. Số lưu: 14/01.

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Giám Đốc

Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 16/12/2011. Theo hồ sơ số 00140XTC 923.

Ngày 21 tháng 8 năm 2016

Thẻ chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Theo hồ sơ số 000140.TC.1280.

Ngày 28 tháng 9 năm 2016

Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 00140TC 14.

Ngày 08 tháng 08 năm 2018

Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 00140TC 15.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018

23/12/2020

Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 22/11/2018. Theo hồ sơ số 00140XTC13.

Trang bổ sung số: 01



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

L Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565

Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

CE 264045



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



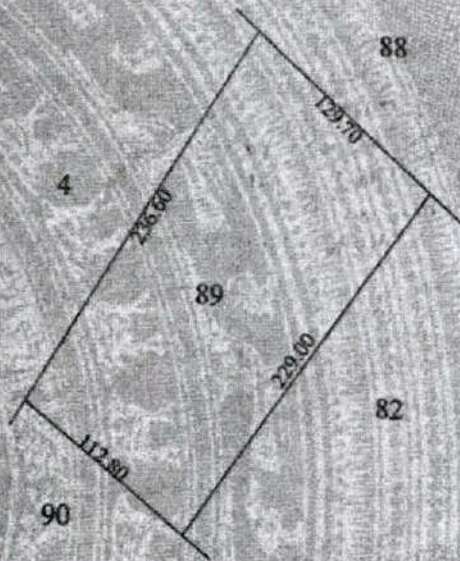
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



943167516000136



### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



### IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01833/ CE 264045 có đính kèm trang bổ sung(01).</p> <p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khuu Yến Ly, Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06, đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003396.CN.001.</p>	<p>Ngày 29 tháng 01 năm 2021</p> <p>RHỒ GIÁM ĐỐC</p> <p><i>[Signature]</i></p> <p>Dương Văn Ngươn</p> <p><i>[Official Seal]</i></p>



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 89 , tờ bản đồ số: 10  
b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.  
c) Diện tích: 28112,0m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Hai mươi tám nghìn một trăm mười hai phẩy không mét vuông).  
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng  
đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản  
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.  
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 11 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

GIÁM ĐỐC


PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Hoàng Dân*

Số vào sổ cấp GCN: CS01833



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Ngày 14/9/2022  <b>Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG.</b> Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số: 03396.TC.006.</p>	<p style="text-align: center;"><b>GIÁM ĐỐC</b></p>  <p style="text-align: right;"><i>Như Loan</i></p>
<p>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</p>	











**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

10

Thửa đất số: **CE 264045**  
Số phát hành GCN:

Tờ bản đồ số: **CS 01833**  
Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.CẦN THƠ</b>. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01833TC 1709.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p> 
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG BANG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 001833.TC 13.</p>	<p>Ngày 27 tháng 8 năm 2018</p> 
<p>11/06/2020 Nội dung đã đăng ký thay đổi thế chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PTVN CHI NHÁNH ĐÔNG BANG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01833TC05.</p>	<p><i>Bùi Văn Minh</i></p> 
<p>23/12/2020 Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số 01833XTC13.</p>	<p><i>Bùi Văn Minh</i> GIÁM ĐỐC</p> 
<p>23/4/2021 Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI(SHB) CHI NHÁNH LONG AN</b>. Địa chỉ: Số 137 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An. Theo hồ sơ số: 01833TC 613.</p>	<p><i>Phạm Như Hoài</i></p> 
<p>Ngày 03/8/2022 Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 23/4/2021. Theo hồ sơ số 03396.XC.006.</p>	<p><i>Phạm Văn Ngọc</i> GIÁM ĐỐC</p> 

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565

Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

CE 264040



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc lưu hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



943167516000138



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 103, tờ bản đồ số: 10
- b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 6359,0m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm năm mươi chín phẩy không mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 11 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

GIÁM ĐỐC

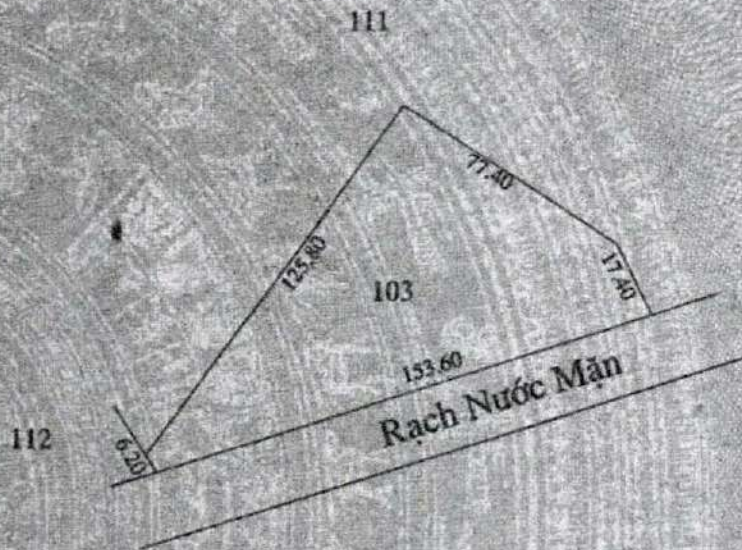


Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS01828



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

NG

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p><b>Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01828/ CE 264040 có đính kèm trang bổ sung(01).</b></p> <p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khuu Yên Ly Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06 đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003393.CN.001.</p>	<p>Ngày 29 tháng 01 năm 2021</p> <p>CHÍNH QUẢ HUYỆN SÓC TRĂNG                  CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN SÓC TRĂNG</p> <p><i>[Signature]</i>                  Đặng Văn Ngươn</p>



**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**  
103

10






Thửa đất số:

CE 264040

Tờ bản đồ số:

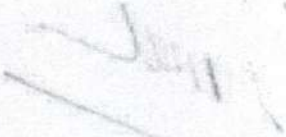
Số phát hành GCN:

Số vào sổ cấp GCN: CS 01828

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thẻ chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.CẦN THƠ</b>. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01828TC 1709.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p> 
<p>Nội dung đã đăng ký thẻ chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thẻ chấp bằng QSDĐ tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG BANG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 001828.TC 13.</p>	<p>Ngày 21 tháng 8 năm 2018</p> 
<p>11/06/2020 Nội dung đã đăng ký thay đổi thẻ chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thẻ chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PTVN - CHI NHÁNH ĐÔNG BANG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01828TC05.</p>	
<p>23/12/2020 Đã xóa nội dung đăng ký thẻ chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số 01828XTC13.</p>	
<p>Ngày 20/7/2022 Thẻ chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG</b>. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ 03393.TC.005.</p>	<p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p> 

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

**L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Ông: TRẦN VĂN TUẤN**

**Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565**

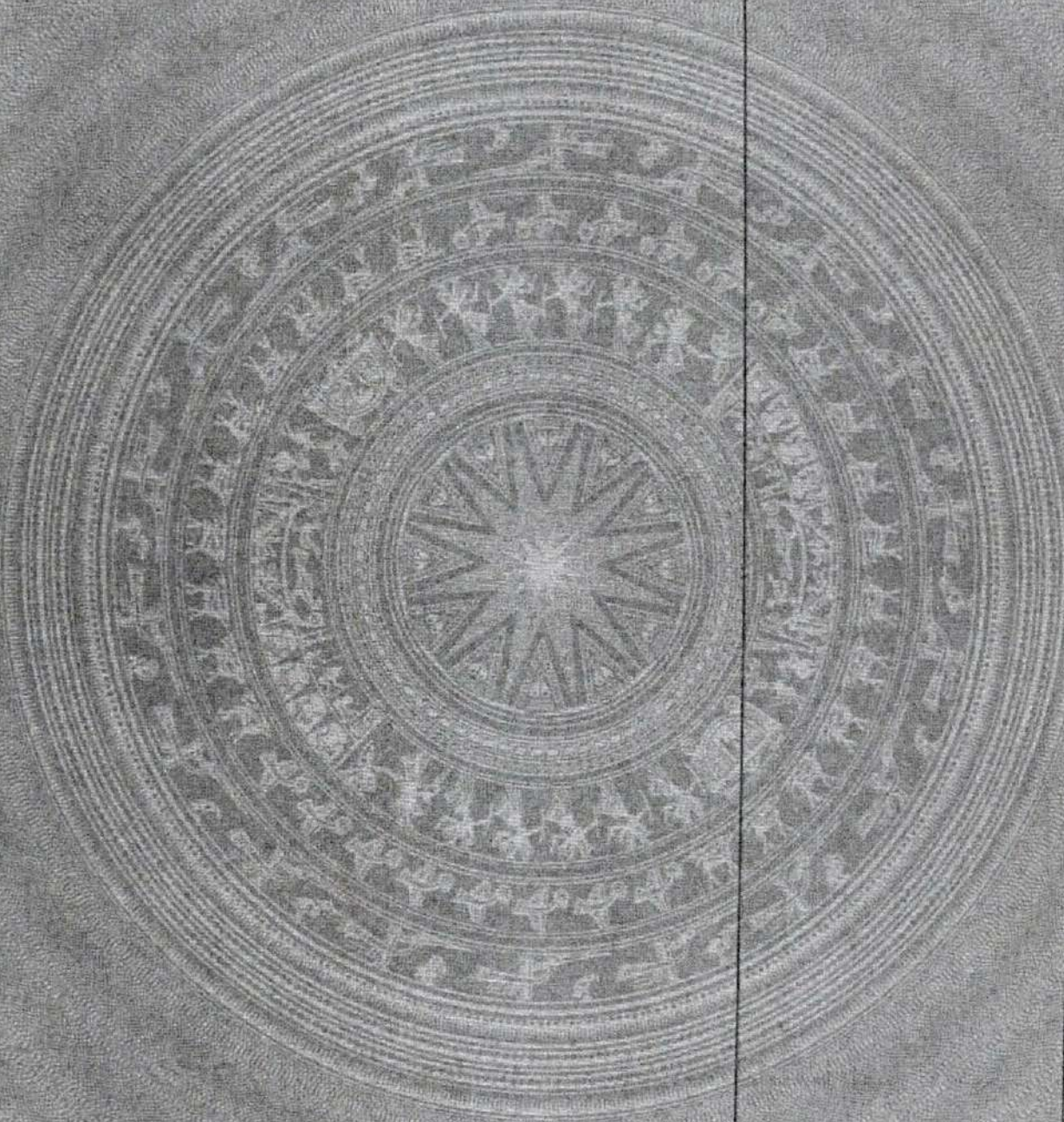
**Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.**

**CE 264041**



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



943167516000139



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 112, tờ bản đồ số: 10
- b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 6995,0m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Sáu nghìn chín trăm chín mươi lăm phẩy không mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

### 2. Nhà ở: -/-

### 3. Công trình xây dựng khác: -/-

### 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

### 5. Cây lâu năm: -/-

### 6. Ghi chú: Không.

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 11 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

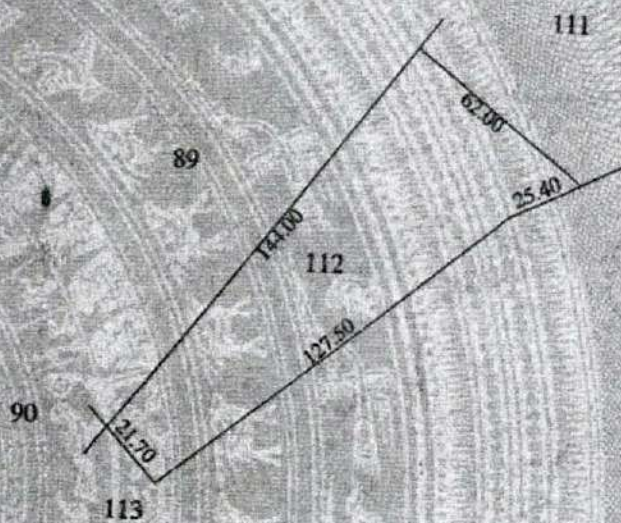


Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS01829




III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

NG

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý.	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01829/ CE 264041 có đính kèm trang bổ sung(01).</p> <p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khưu Yến Lý, Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06 đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003400.CN.001.</p>	<p>Ngày 29 tháng 01 năm 2021</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p><i>Dặng Văn Ngươn</i></p>





**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

10






112

Thửa đất số:

Tờ bản đồ số:

Số phát hành GCN: CE 264041

Số vào sổ cấp GCN: CS01829

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ</b>. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01829TC 1709.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p> 
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 001829.TC 13.</p>	<p>Ngày 21 tháng 8 năm 2018</p>  <p><i>Bùi Văn Minh</i></p>
<p>11/06/2020 Nội dung đã đăng ký thay đổi thế chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PTVN - CHI NHÁNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01829TC05.</p>	 <p><i>Bùi Văn Minh</i></p> <p><b>GIÁM ĐỐC</b></p>
<p>23/12/2020 Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số 01829XTC13.</p>	
<p>Ngày 20/7/2022 Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG</b>. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số 03400.TC.005.</p>	 <p><i>Đặng Văn Ngươn</i></p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p><i>Handwritten signature</i></p>	
<i>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</i>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565

Địa chỉ thường trú: ấp Tam Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

CE 264042



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



943167516146000



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 141, tờ bản đồ số: 10
- b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 17710,0m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Mười bảy nghìn bảy trăm mười phẩy không mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 11 năm 2016  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG  
KIỂM ĐÓC  
PHÓ KIỂM ĐÓC

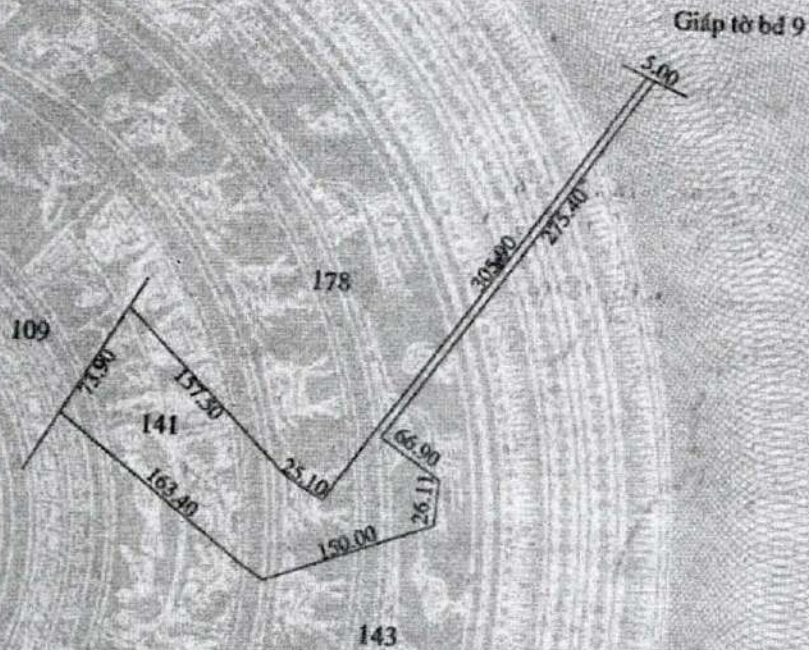


Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS01830



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01839/ CE 264042 có đính kèm trang hồ sơ(01).

Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khưu Yến Ly, Sinh năm 1975, CMND số 365.724.967, địa chỉ tại Số 00 đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003399.CN.001.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Dương Văn Ngươn*





**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

10

141

Thửa đất số:

Tờ bản đồ số:


Số phát hành GCN: **CE 264042**

Số vào sổ cấp GCN: **CS 01830**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ</b>. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: <b>01830TC 1709</b>.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p>
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG BANG, SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: <b>001830.TC 13</b>.</p>	<p>Ngày 21 tháng 8 năm 2018</p>
<p><b>11/06/2020</b> Nội dung đã đăng ký thay đổi thế chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PTVN - CHI NHÁNH ĐÔNG BANG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: <b>01830TC05</b>.</p>	
<p><b>23/12/2020</b> Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số <b>01830XTC13</b>.</p>	<p><i>Bùi Văn Minh</i> <b>GIÁM ĐỐC</b></p>
<p>Ngày 20/7/2022 Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG</b>. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số <b>03399.TC.005</b>.</p>	<p><i>Trần Như Tài</i> <b>HỒ GIÁM ĐỐC</b></p> <p><i>Đặng Văn Ngươn</i></p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	
<i>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</i>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

**Ông: TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565

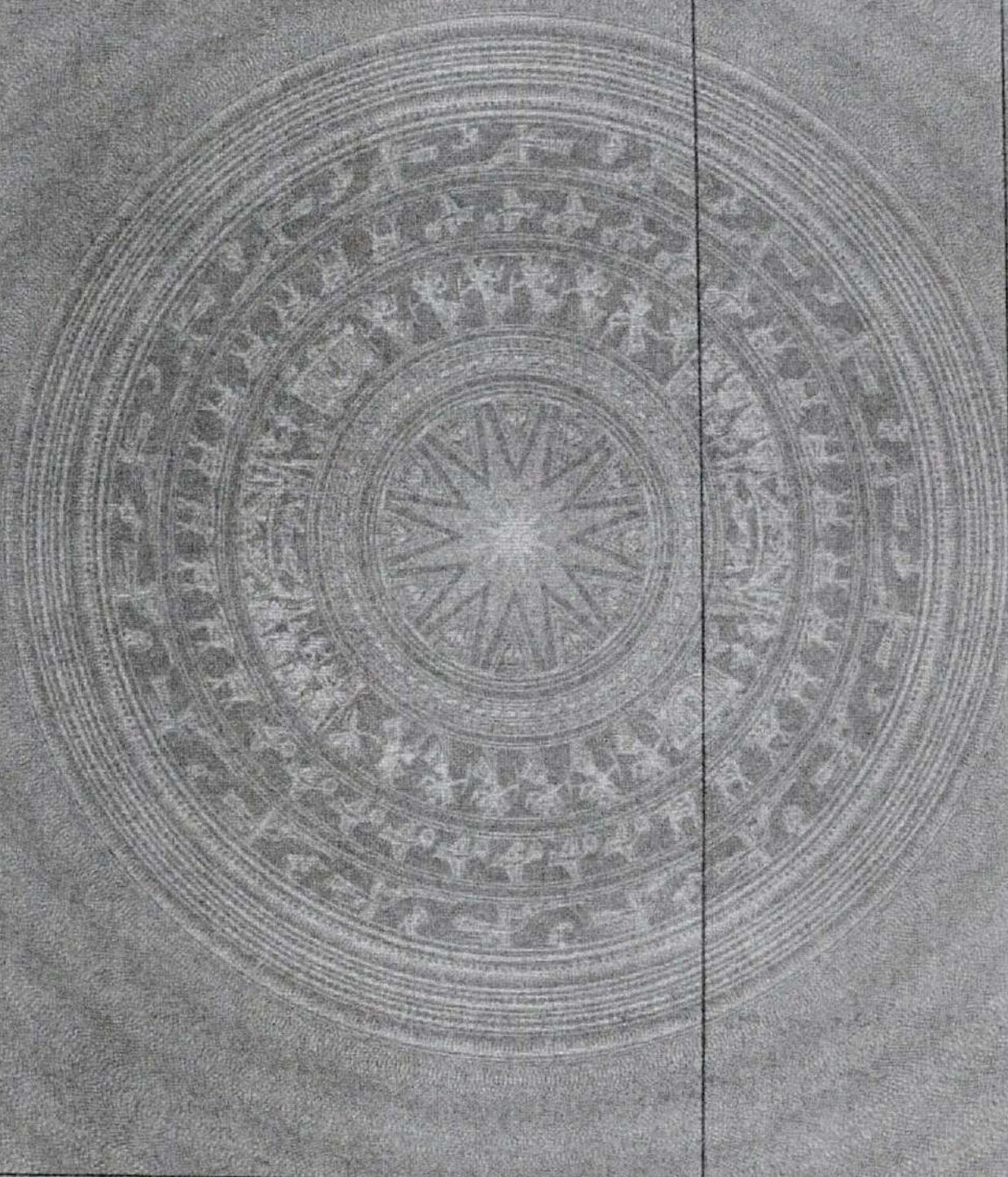
Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

CE 264043



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



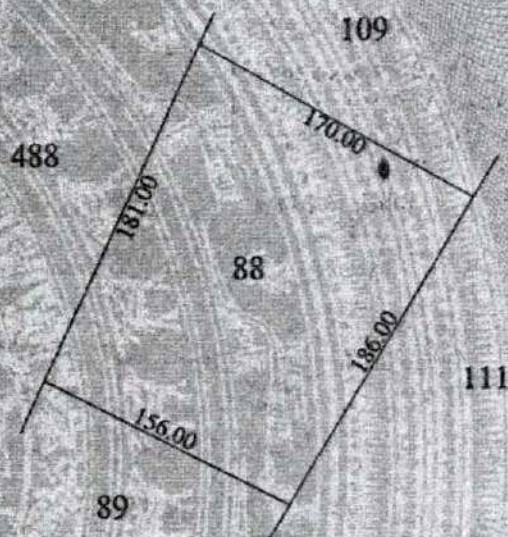
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.




943167516000127



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

G Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01331/ CE 264043 có đính kèm trang bổ sung(01).</p> <p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khuu Yên Lý, Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06 đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003398.CN.001.</p>	<p>Ngày 29 tháng 01 năm 2021</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p>Dặng Văn Ngour</p>



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 88, tờ bản đồ số: 10
- b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 24392,8m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Hai mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi hai phẩy tám mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 11 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG



Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS01831





# TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

88

10

Thửa đất số:

CE 264043

Tờ bản đồ số:


Số phát hành GCN:

Số vào sổ cấp GCN: CS 01831

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.CẦN THƠ</b>. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01831TC 1709.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p>
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 001831.TC 13.</p>	<p>Ngày 21 tháng 8 năm 2018</p>
<p>11/06/2020 Nội dung đã đăng ký thay đổi thế chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PTVN CHI NHÁNH ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01831TC05.</p>	<p>Bùi Văn Minh</p>
<p>23/12/2020 Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số 01831XTC13.</p>	<p>GIÁM ĐỐC</p>
<p>23/4/2021 Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI(SHB) CHI NHÁNH LONG AN</b>. Địa chỉ: Số 135 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An. Theo hồ sơ số: 01831TC 613.</p>	<p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p>Phạm Như Lôi</p>
<p>Ngày 03/8/2022 Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 23/4/2021. Theo hồ sơ số 03398.XC.006.</p>	<p>GIÁM ĐỐC</p> <p>Phạm Văn Ngươn</p> <p>Phạm Như Lôi</p>

Trong bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Ngày 14/9/2022</p> <p>Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG</b>. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số: 03398.TC.006.</p>	<p style="text-align: right;"><b>GIÁM ĐỐC</b></p>  <p style="text-align: right;"><i>Phạm Như Tài</i></p>
<p>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</p>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565

Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

CE 264044



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



943167516000126



## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 109, tờ bản đồ số: 10
- b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 31042,0m<sup>2</sup>. (bằng chữ: Ba mươi một nghìn không trăm bốn mươi hai phẩy không mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- e) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Sóc Trăng, ngày 07. tháng 11. năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

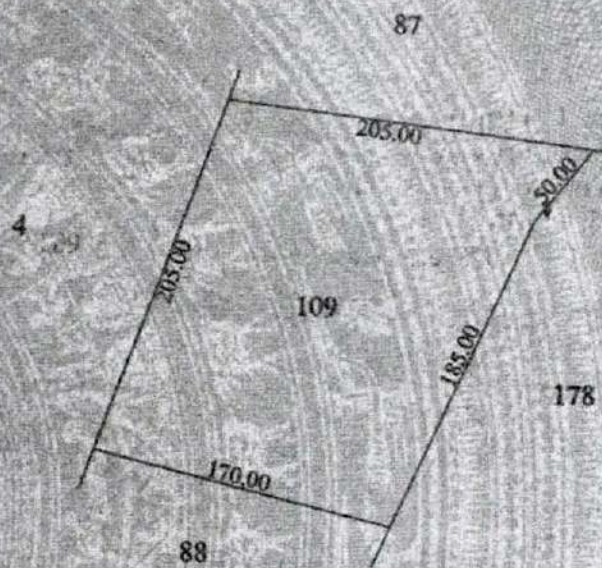


Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS01832




### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



### IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

NG

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01832/CE 264044 có đính kèm trang bổ sung(01).</p> <p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khưu Yến Ly, Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06 đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003397.CN.001.</p>	<p>Nơi: 29 tháng 01 năm 2021</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p><i>Đặng Văn Ngọc</i></p>





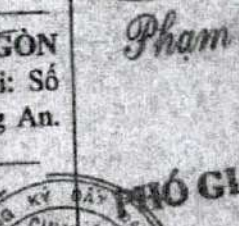



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

10

Thửa đất số: CE 264044  
Số phát hành GCN:

Tờ bản đồ số: CS 01832  
Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thẻ chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01832TC 1709.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p> 
<p>Nội dung đã đăng ký thẻ chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thẻ chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 001832.TC 13.</p>	<p>Ngày 21 tháng 8 năm 2018</p>  <p>Bùi Văn Minh</p>
<p>11/06/2020 Nội dung đã đăng ký thay đổi thẻ chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thẻ chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01832TC05.</p>	 <p>Bùi Văn Minh</p>
<p>23/12/2020 Đã xóa nội dung đăng ký thẻ chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số 01832XTC13.</p>	 <p>GIÁM ĐỐC</p>
<p>23/4/2021 Thẻ chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHB) CHI NHÁNH SÓC TRĂNG. Địa chỉ: Số 135-137 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An. Theo hồ sơ số: 01832TC 618.</p>	 <p>Phạm Như Tài</p>
<p>23/4/2021 Thẻ chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHB) CHI NHÁNH LONG AN. Địa chỉ: Số 137 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An. Theo hồ sơ số: 01832TC 613.</p>	 <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p>Đặng Văn Ngươn</p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Ngày 03/8/2022

Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 23/4/2021. Theo hồ sơ số 03397.XC.006.



GIAM ĐỐC

Ngày 14/9/2022

Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số: 03397.TC.006.



(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565

Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

CE 264046



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



943167516000147



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 143, tờ bản đồ số: 10
- b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 25115,0m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Hai mươi lăm nghìn một trăm mười lăm phẩy không mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 11 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

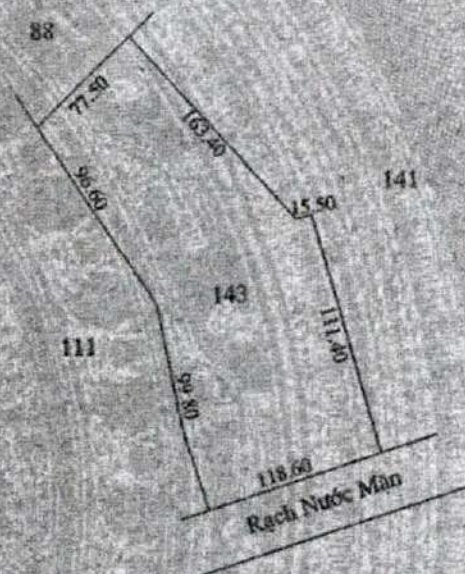


Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS01834



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

NG

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01834/CE 264046 có đính kèm trang bổ sung(01).</p> <p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khưu Yên Ly Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06 đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003395.CN.001</p>	<p>Ngày 29 tháng 01 năm 2021</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p>CHÍNH HÀNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN THAI SÉ</p> <p><i>Dương Văn Nguyễn</i></p>










TRĂNG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

10

Thửa đất số: CE 264046  
Số phát hành GCN:

Tờ bản đồ số: CS 01834  
Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.CẦN THƠ. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01834TC 1709.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p> 
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BÀNG SÔNG CỬU LONG . Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 001834.TC 13.</p>	<p>Ngày 21 tháng 8 năm 2018</p> 
<p>11/06/2020 Nội dung đã đăng ký thay đổi thế chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PTVN - CHI NHÁNH ĐỒNG BÀNG SÔNG CỬU LONG. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: 01834TC05.</p>	 <p>Bùi Văn Minh GIÁM ĐỐC</p>
<p>23/12/2020 Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số 01834XTC13.</p>	
<p>Ngày 20/7/2022 Thế chấp bằng QSD đất tại NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số 03395.TC.005.</p>	 <p>Phạm Như Tài PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p>Đặng Văn Ngươn</p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p><i>[Faint handwritten text, possibly "Danh sách" with diagonal lines]</i></p>	
<i>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)</i>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **TRẦN VĂN TUẤN**

Năm sinh: 1967, CMND số: 365 156 565

Địa chỉ thường trú: ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

CE 264047



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



943167516000137



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: III , tờ bản đồ số: 10
- b) Địa chỉ: ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 19067,0m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Mười chín nghìn không trăm sáu mươi bảy phẩy không mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

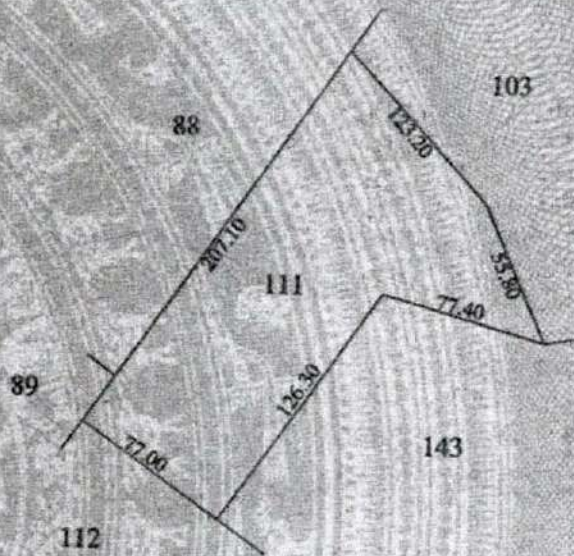
Sóc Trăng, ngày 01 tháng 11, năm 2016  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG




Nguyễn Hoàng Dân



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01835/ CE 264047 có đính kèm trang bổ sung(01).</p> <p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Khưu Yến Ly Sinh năm 1975, CMND số 365 724 967, địa chỉ tại Số 06, đường Nguyễn Văn Cừ, Khóm 2, Phường 1, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; theo hồ sơ số 003394.CN.001.</p>	<p>Ngày 29 tháng 01 năm 2021</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p><i>Dương Văn Ngọc</i></p>






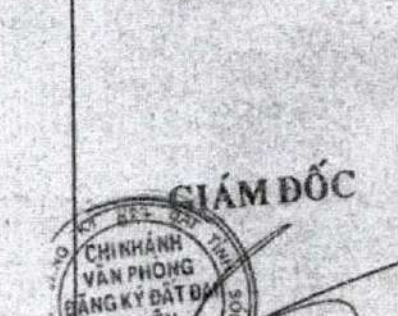



**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**  
111

10

Thửa đất số: **CE 264047**  
Số phát hành GCN:

Tờ bản đồ số:  
Số vào sổ cấp GCN: **CS 01835**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.CẦN THƠ</b>. Địa chỉ: Số 12 Đại Lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: <b>01835TC 1709</b>.</p>	<p>Ngày 16 tháng 12 năm 2016</p> 
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 16/12/2016 có thay đổi nội dung trong hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: <b>001835.TC 13</b>.</p>	<p>Ngày 27 tháng 8 năm 2018</p>  <p>Bùi Văn Minh</p>
<p>11/06/2020 Nội dung đã đăng ký thay đổi thế chấp ngày 21/8/2018 bổ sung thêm nội dung đăng ký trong hợp đồng thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>. Địa chỉ: số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Theo hồ sơ số: <b>01835TC05</b>.</p>	 <p>Bùi Văn Minh</p>
<p>23/12/2020 Đã xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/6/2020. Theo hồ sơ số <b>01835XTC13</b>.</p>	<p>GIÁM ĐỐC</p> 
<p>Ngày 20/7/2022 Thế chấp bằng QSD đất tại <b>NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN SÓC TRĂNG</b>. Địa chỉ: Số 179 - 179A Trần Hưng Đạo, phường 3 thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo hồ sơ số <b>03394.TC.005</b>.</p>	<p>Phạm Như Tài CHỖ GIÁM ĐỐC</p>  <p>Dương Văn Ngươn</p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)